ĐẠI HỌC HUẾ

VIỆN ĐTM & CNTT

DANH SÁCH

SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN

T3/2025

ĐẠI HỌC HUẾ

VIỆN ĐTM & CNTT

DANH SÁCH

SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN

T3/2025

ĐẠI HỌC HUẾ
VIỆN ĐÀO TẠO MỞ
VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Số: 946 /QĐ-VĐTMCNTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Huế, ngày 28 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận sinh viên trúng tuyển đại học theo hình thức đào tạo từ xa
Đợt tháng 3 năm 2025

VIỆN TRƯỞNG VIỆN ĐÀO TẠO MỞ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Căn cứ Quyết định số 46/QĐ-ĐHH, ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Giám đốc Đại học Huế về việc thành lập Viện Đào tạo mở và Công nghệ thông tin - Đại học Huế;

Căn cứ Quyết định số 468/QĐ-ĐHH, ngày 17 tháng 3 năm 2020 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Viện Đào tạo mở và Công nghệ thông tin - Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 28/2023/TT-BGDĐT, ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 243/QĐ-ĐHH ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định Đào tạo từ xa trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ kết luận của Hội đồng xét đề nghị công nhận trúng tuyển đại học hình thức đào tạo từ xa Viện Đào tạo mở và Công nghệ thông tin - Đại học Huế họp ngày 28 tháng 02 năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo, Nghiên cứu và Hợp tác phát triển, Viện Đào tạo mở và Công nghệ thông tin - Đại học Huế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận **1.193** sinh viên trúng tuyển đại học: ngành Luật 169 sinh viên, Ngôn ngữ Anh 1.024 sinh viên, khóa nhập học 03 tháng 3 năm 2025, tại Viện Đào tạo mở và Công nghệ thông tin - Đại học Huế, trong đó:

Số TT	Địa điểm	Luật			NN Anh	Tổng
		2,5	3,0	4,5	2,5	
1	Trung tâm GDNN-GDTX quận Hà Đông, Hà Nội				6	**6**
2	Trung tâm GDTX tỉnh Hải Dương	1			1	**2**
3	Trung tâm GDTX tỉnh Hưng Yên				3	**3**
4	Trung tâm GDTX tỉnh Nam Định	2	1		11	**14**
5	Trung tâm GDTX Hải Phòng	24	1	2	7	**34**
6	Trung tâm GDTX tỉnh Phú Thọ				8	**8**
7	Trung tâm GDTX tỉnh Nghệ An				211	**211**
8	Trung tâm GDTX tỉnh Hà Tĩnh				3	**3**
9	Viện Đào tạo mở và Công nghệ thông tin	32	4	3	361	**400**
10	Trường CĐ Công thương TP HCM -CS Quảng Ngãi	3	1			**4**
11	Trung tâm GDTX số 3 Thành phố Đà Nẵng				9	**9**
12	Trường CĐ Công thương Việt Nam cơ sở Đắk Lắk				10	**10**

13	Trường CĐ Cộng đồng Đắk Nông				5	**5**
14	Trung tâm GDTX tỉnh Phú Yên	3	2		23	**28**
15	Trung tâm GDTX tỉnh Bình Định				28	**28**
16	Trung tâm GDTX tỉnh Ninh Thuận				7	**7**
17	Trung tâm GDTX tỉnh Khánh Hòa	23	19	5	100	**147**
18	Trường CĐ Bình Minh Sài Gòn	2			5	**7**
19	Trường TC Y dược Vạn Hạnh TP. Hồ Chí Minh				4	**4**
20	Trường TC Công đoàn TP. Hồ Chí Minh	1				**1**
21	Trung cấp KT- CN Việt Mỹ Bình Dương				170	**170**
22	Trung tâm GDTX tỉnh Đồng Nai	31	1	8	52	**92**
	TỔNG CỘNG:	**122**	**29**	**18**	**1024**	**1.193**
		169			**1.024**	

(Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Viện Đào tạo mở và Công nghệ thông tin - Đại học Huế phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức đào tạo và quản lý sinh viên trong suốt khóa học.

Điều 3. Trưởng các đơn vị chức năng, Kế toán trưởng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Lãnh đạo Viện;
- Như Điều 3;
- Lưu VT, Tổ NCHTPT.VĐL.

VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Hoàng Sơn

ĐẠI HỌC HUẾ
VIỆN ĐÀO TẠO MỞ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2025
TẠI TRUNG TÂM GDNN GDTX QUẬN HÀ ĐÔNG

(Kèm theo Quyết định số 946 /QĐ-VĐTMCNTT ngày 28 tháng 08 năm 2025 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế)

STT	Họ tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Văn bằng nhập học	Dân tộc	Ngành - CTĐT
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - NHẬP HỌC: 03/03/2025								
THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 2.5 năm								
1	PHẠM THỊ NHƯ	ANH	09/12/1994	NỮ	HÒA BÌNH	DƯỢC SĨ	KINH	705 - 2.5 năm
2	BẠCH LÊ	DŨNG	27/08/2001	NAM	HÀ NỘI	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm
3	NGUYỄN TẤN	DŨNG	23/10/2001	NAM	HÀ NAM	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm
4	NGUYỄN VĂN	HIẾU	02/01/1994	NAM	NINH BÌNH	BÁC SĨ ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
5	BÙI VĂN	SƠN	10/05/1992	NAM	NAM ĐỊNH	BÁC SĨ ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
6	NGUYỄN HOÀI	THƯƠNG	11/02/1993	NAM	THÁI BÌNH	BÁC SỸ Y ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm

Danh sách này có: 6 sinh viên

CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ	CÁN BỘ KIỂM TRA	PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT	VIỆN TRƯỞNG
Nguyen Thi Thu Hien	Võ Đình Lâm		Nguyễn Hoàng Sơn

ĐẠI HỌC HUẾ
VIỆN ĐÀO TẠO MỞ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2025
TẠI TRUNG TÂM GDTX HẢI DƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 946 /QĐ-VĐTMCNTT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế)

STT	Họ tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Văn bằng nhập học	Dân tộc	Ngành - CTĐT
NGÀNH LUẬT - NHẬP HỌC: 03/03/2025								
THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 2.5 năm								
1	NGUYỄN MINH	HIẾU	01/03/2003	NAM	HẢI DƯƠNG	ĐH KINH TẾ XÂY DỰNG	KINH	503 - 2.5 năm
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - NHẬP HỌC: 03/03/2025								
THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 2.5 năm								
1	VŨ MINH	ANH	25/02/2003	NỮ	HẢI DƯƠNG	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm

Danh sách này có: 2 sinh viên

CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ

Trần Công Tín

CÁN BỘ KIỂM TRA

Võ Đình Lâm

PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN ĐÀO TẠO MỞ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN – ĐẠI HỌC HUẾ

Nguyễn Hoàng Sơn

ĐẠI HỌC HUẾ
VIỆN ĐÀO TẠO MỞ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2025
TẠI TRUNG TÂM GDTX TỈNH HƯNG YÊN

(Kèm theo Quyết định số 946 /QĐ-VĐTMCNTT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế)

STT	Họ tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Văn bằng nhập học	Dân tộc	Ngành - CTĐT
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - NHẬP HỌC: 03/03/2025 **THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 2.5 năm**								
1	TỪ HỒNG	NGỌC	29/03/1993	NỮ	HỒ CHÍ MINH	ĐH THƯƠNG MẠI	KINH	705 - 2.5 năm
2	CHU ANH	QUÂN	12/03/1997	NAM	HƯNG YÊN	ĐH KINH TẾ QUỐC TẾ	KINH	705 - 2.5 năm
3	ĐOÀN NGỌC	SÂM	22/04/1988	NAM	THÁI NGUYÊN	BS Y HỌC CỔ TRUYỀN	KINH	705 - 2.5 năm

Danh sách này có: 3 sinh viên

CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ

Trần Công Tin

CÁN BỘ KIỂM TRA

Võ Đình Lâm

PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN ĐÀO TẠO MỞ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Nguyễn Hoàng Sơn

ĐẠI HỌC HUẾ

VIỆN ĐÀO TẠO MỞ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2025

TẠI TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN TỈNH NAM ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định số 946 /QĐ-VĐTMCNTT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế)

STT	Họ tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Văn bằng nhập học	Dân tộc	Ngành - CTĐT	Ký tên
NGÀNH LUẬT - NHẬP HỌC: 03/03/2025									
THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 2.5 năm									
1	ĐẶNG QUỐC	NGHĨA	03/09/1995	NAM	NAM ĐỊNH	ĐẠI HỌC DƯỢC SĨ	KINH	503 - 2.5 năm	
2	BÙI KHÁNH	VÂN	18/09/1986	NỮ	NAM ĐỊNH	ĐẠI HỌC LƯU TRỮ & QTVP	KINH	503 - 2.5 năm	
NGÀNH LUẬT - NHẬP HỌC: 03/03/2025									
THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 3 năm									
1	TRẦN THỊ	QUỲNH	20/03/1997	NỮ	NAM ĐỊNH	CAO ĐẲNG SP NGỮ VĂN	KINH	503 - 3 năm	
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - NHẬP HỌC: 03/03/2025									
THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 2.5 năm									
1	TRẦN THỊ NGỌC	ÁNH	19/09/1997	NỮ	NAM ĐỊNH	ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG	KINH	705 - 2.5 năm	
2	NGUYỄN THỊ	HOA	04/11/1983	NỮ	NAM ĐỊNH	ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SINH HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
3	NGUYỄN THỊ THANH	HƯƠNG	09/02/1990	NỮ	TP NAM ĐỊNH	ĐẠI HỌC LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm	
4	TRẦN THỊ	HƯỜNG	25/08/1989	NỮ	HÀ NAM	ĐẠI HỌC HÓA HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
5	TRỊNH THỊ MAI	KHÁNH	24/10/1984	NỮ	NAM ĐỊNH	ĐẠI HỌC SƯ PHẠM GD ĐẶC BIỆT	KINH	705 - 2.5 năm	
6	VŨ THỊ THÙY	LINH	04/11/1987	NỮ	NAM ĐỊNH	ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÓA HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
7	BÙI THỊ MINH	NGỌC	07/03/1993	NỮ	NAM ĐỊNH	BS Y HỌC DỰ PHÒNG	KINH	705 - 2.5 năm	

VIỆN ĐÀO TẠO VÀ CÔNG THÔNG

8	TRẦN THỊ MINH	PHƯƠNG	17/06/1990	NỮ	NAM ĐỊNH	ĐẠI HỌC KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm	
9	PHẠM THỊ MINH	TÂM	24/08/1986	NỮ	NAM ĐỊNH	ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG	KINH	705 - 2.5 năm	
10	NGUYỄN THỊ HOÀI	THU	29/01/1983	NỮ	NAM ĐỊNH	ĐẠI HỌC ĐỊA LÝ	KINH	705 - 2.5 năm	
11	PHẠM THỊ BÍCH	THỦY	23/11/1988	NỮ	ĐỒNG NAI	BS Y HỌC DỰ PHÒNG	KINH	705 - 2.5 năm	

Danh sách này có: 14 sinh viên

CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ

Lê [illegible]

CÁN BỘ KIỂM TRA

Võ Đình Lâm

PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN ĐÀO TẠO MỞ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Nguyễn Hoàng Sơn

ĐẠI HỌC HUẾ
VIỆN ĐÀO TẠO MỞ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2025
TẠI TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN HẢI PHÒNG

(Kèm theo Quyết định số 946 /QĐ-VĐTMCNTT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế)

STT	Họ tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Văn bằng nhập học	Dân tộc	Ngành - CTĐT
NGÀNH LUẬT - NHẬP HỌC: 03/03/2025								
THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 2.5 năm								
1	TRẦN THỊ THUỲ	DUNG	05/03/1985	NỮ	NAM ĐỊNH	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	503 - 2.5 năm
2	NGUYỄN THỊ	HÀ	24/09/1984	NỮ	HẢI DƯƠNG	ĐH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	KINH	503 - 2.5 năm
3	NGUYỄN THU	HÀ	22/09/1988	NỮ	QUẢNG NINH	ĐH QUẢN TRỊ TC KT	KINH	503 - 2.5 năm
4	ỨNG THỊ THU	HÀ	27/07/1987	NỮ	QUẢNG NINH	ĐH BỆNH HỌC THỦY SẢN	KINH	503 - 2.5 năm
5	BÙI THỊ	HẢI	10/01/1979	NỮ	HẢI PHÒNG	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH CÔNG NGHIỆP VÀ XDCB	KINH	503 - 2.5 năm
6	VŨ THỊ HOÀNG	HẠNH	02/08/1987	NỮ	QUẢNG NINH	ĐH KẾ TOÁN	KINH	503 - 2.5 năm
7	NGUYỄN THỊ	HIỀN	04/06/1987	NỮ	THANH HOÁ	ĐH BẢO TÀNG	KINH	503 - 2.5 năm
8	NGUYỄN THỊ	HỢI	10/12/1983	NỮ	HẢI PHÒNG	ĐH KỸ THUẬT KHAI THÁC KINH TẾ VẬN TẢI	KINH	503 - 2.5 năm
9	NGÔ THỊ THU	HUỆ	12/11/1997	NỮ	HẢI PHÒNG	ĐH TIẾNG ANH	KINH	503 - 2.5 năm
10	TRẦN THỊ	HUỆ	04/03/1979	NỮ	QUẢNG NINH	KS KTĐT VIỄN THÔNG	KINH	503 - 2.5 năm
11	TRẦN MINH	HUYỀN	04/09/1993	NỮ	QUẢNG NINH	ĐH TÀI CHÍNH -NGÂN HÀNG	KINH	503 - 2.5 năm
12	TRƯƠNG THANH	HUYỀN	14/05/1990	NỮ	THÁI BÌNH	ĐH KẾ TOÁN DN	KINH	503 - 2.5 năm
13	TRẦN VIỆT	HÙNG	22/11/1984	NAM	QUẢNG NINH	ĐH XÂY DỰNG CẦU ĐƯỜNG	KINH	503 - 2.5 năm
14	HOÀNG HƯƠNG	LY	25/01/1980	NỮ	LẠNG SƠN	ĐH QUẢN LÝ GIÁO DỤC	KINH	503 - 2.5 năm
15	TRẦN VĂN	NAM	25/11/1985	NAM	QUẢNG NINH	KS CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	KINH	503 - 2.5 năm
16	TRẦN THỊ	NGA	10/07/1987	NỮ	QUẢNG NINH	ĐH QUẢN TRỊ DU LỊCH VĂN PHÒNG	KINH	503 - 2.5 năm
17	PHAN ÁNH	NGUYỆT	21/07/1998	NỮ	QUẢNG NINH	ĐH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	KINH	503 - 2.5 năm
18	NGUYỄN HUY	PHONG	20/10/1987	NAM	QUẢNG NINH	ĐH ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG	KINH	503 - 2.5 năm
19	NGUYỄN THU	PHƯƠNG	25/09/1983	NỮ	HẢI PHÒNG	ĐH KẾ TOÁN	KINH	503 - 2.5 năm
20	NGUYỄN THỊ THANH	TÂM	12/07/1987	NỮ	HẢI PHÒNG	KS CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	KINH	503 - 2.5 năm
21	PHẠM MINH	THU	05/06/1988	NỮ	QUẢNG NINH	ĐH KẾ TOÁN DN	KINH	503 - 2.5 năm
22	PHẠM THỊ	THU	24/06/1987	NỮ	HẢI PHÒNG	ĐH KẾ TOÁN	KINH	503 - 2.5 năm
23	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THÙY	11/03/1989	NỮ	QUẢNG NINH	ĐH KẾ TOÁN DN	KINH	503 - 2.5 năm
24	PHẠM THỊ THU	THỦY	18/11/1984	NỮ	HẢI PHÒNG	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	503 - 2.5 năm

NGÀNH LUẬT - NHẬP HỌC: 03/03/2025								
THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 3 năm								
1	VŨ VĂN	HƯNG	02/12/1992	NAM	HẢI PHÒNG	CĐ QUẢN TRỊ KINH DOANH + THPT	KINH	503 - 3 năm
NGÀNH LUẬT - NHẬP HỌC: 03/03/2025								
THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4.5 năm								
1	LÊ THÀNH	ĐẠT	13/05/2002	NAM	HẢI PHÒNG	THPT	KINH	503 - 4.5 năm
2	ĐINH HOÀNG	NAM	02/12/2003	NAM	HẢI PHÒNG	THPT	KINH	503 - 4.5 năm
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - NHẬP HỌC: 03/03/2025								
THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 2.5 năm								
1	NGUYỄN VŨ THỊ PHƯƠNG	ANH	14/01/1991	NỮ	HÀ NỘI	DƯỢC SĨ	KINH	705 - 2.5 năm
2	NGUYỄN DUY	BẢO	11/02/1997	NAM	HẢI PHÒNG	KS CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CTXD	KINH	705 - 2.5 năm
3	TRẦN THỊ MINH	CHÂU	04/05/2003	NỮ	HẢI PHÒNG	ĐH KINH TẾ QUỐC DÂN	KINH	705 - 2.5 năm
4	TRẦN MẠNH	ĐẠT	05/07/2000	NAM	HẢI PHÒNG	BÁC SỸ Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
5	ĐỖ THỊ	HÀ	06/11/1994	NỮ	HẢI PHÒNG	BÁC SĨ ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
6	PHẠM ĐỖ	QUYÊN	11/04/1990	NỮ	HẢI PHÒNG	ĐH VĂN HOÁ DU LỊCH	KINH	705 - 2.5 năm
7	QUẢN TRỌNG	VIỆT	21/07/1997	NAM	HẢI PHÒNG	ĐH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG	KINH	705 - 2.5 năm

Danh sách này có: 34 sinh viên

CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ

Nguyễn Thị Thu Hiền

CÁN BỘ KIỂM TRA

Võ Đình Lâm

PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN ĐÀO TẠO MỞ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Nguyễn Hoàng Sơn

ĐẠI HỌC HUẾ
VIỆN ĐÀO TẠO MỞ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2025
TẠI TRUNG TÂM GDTX TỈNH PHÚ THỌ

(Kèm theo Quyết định số 946 /QĐ-VĐTMCNTT ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế)

STT	Họ tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Văn bằng nhập học	Dân tộc	Ngành - CTĐT
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - NHẬP HỌC: 03/03/2025 **THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 2.5 năm**								
1	NGUYỄN TRẦN HOÀNG	ANH	08/02/2000	NAM	PHÚ THỌ	ĐH KINH TẾ ĐẦU TƯ	KINH	705 - 2.5 năm
2	NGUYỄN THỊ VIỆT	CHINH	16/12/1993	NỮ	PHÚ THỌ	BÁC SĨ Y KHOA	MƯỜNG	705 - 2.5 năm
3	ĐẶNG THỊ	HUỆ	20/02/1996	NỮ	PHÚ THỌ	BÁC SĨ Y KHOA	DAO	705 - 2.5 năm
4	NGUYỄN BÁ	HƯỞNG	26/09/2002	NAM	PHÚ THỌ	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm
5	PHẠM HỒNG	MAI	30/05/2000	NỮ	YÊN BÁI	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
6	PHÙNG THỊ THÚY	NGA	03/09/1993	NỮ	PHÚ THỌ	BÁC SĨ Y ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
7	NGUYỄN TUẤN	NINH	26/02/1992	NAM	BẮC GIANG	ĐH CÔNG NGHỆ HẠT NHÂN	KINH	705 - 2.5 năm
8	NGUYỄN DANH	THỦY	01/09/1999	NAM	PHÚ THỌ	BÁC SĨ Y ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm

Danh sách này có: 8 sinh viên

CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ	CÁN BỘ KIỂM TRA	PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT	VIỆN TRƯỞNG
Nguyễn Thị Thu Hiền	Võ Đình Lâm		Nguyễn Hoàng Sơn

VIỆN ĐÀO TẠO MỞ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐẠI HỌC HUẾ
VIỆN ĐÀO TẠO MỞ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2025
TẠI TRUNG TÂM GDTX TỈNH NGHỆ AN

(Kèm theo Quyết định số 946 /QĐ-VĐTMCNTT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế)

STT	Họ tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Văn bằng nhập học	Dân tộc	Ngành - CTĐT
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - NHẬP HỌC: 03/03/2025								
THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 2.5 năm								
1	HỒ THỊ THỤC	ANH	01/09/1991	NỮ	NGHỆ AN	ĐH TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG	KINH	705 - 2.5 năm
2	LÊ VÂN	ANH	16/11/1997	NỮ	NGHỆ AN	BÁC SỸ Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
3	LỮ TIẾN	ANH	13/03/1999	NAM	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	THÁI	705 - 2.5 năm
4	NGUYỄN ĐĂNG	ANH	22/12/1998	NAM	HÀ TĨNH	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	KINH	705 - 2.5 năm
5	NGUYỄN ĐỨC	ANH	20/08/2001	NAM	NGHỆ AN	ĐH QUẢN LÝ GIÁO DỤC	KINH	705 - 2.5 năm
6	NGUYỄN LAN	ANH	09/11/1991	NỮ	NGHỆ AN	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm
7	NGUYỄN THỊ NGỌC	ANH	11/01/1995	NỮ	NGHỆ AN	KS KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ, VIỄN THÔNG	KINH	705 - 2.5 năm
8	NGUYỄN THỊ QUỲNH	ANH	12/10/1996	NỮ	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y HỌC CỔ TRUYỀN	KINH	705 - 2.5 năm
9	NGUYỄN TUẤN	ANH	01/01/1976	NAM	HÀ NỘI	KS XÂY DỰNG DÂN DỤNG CN	KINH	705 - 2.5 năm
10	NGUYỄN VĂN	ANH	01/09/1995	NAM	NGHỆ AN	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm
11	PHẠM THỊ HỒNG	ANH	02/04/1997	NỮ	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
12	THÁI THỊ TUYẾT	ANH	26/09/1997	NỮ	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
13	VÕ THÙY	ANH	15/04/1998	NỮ	NGHỆ AN	ĐH QUAN HỆ QUỐC TẾ	KINH	705 - 2.5 năm
14	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	04/01/1982	NỮ	NGHỆ AN	ĐH HÓA HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
15	THÁI THỊ NGỌC	ÁNH	11/12/2001	NỮ	NGHỆ AN	ĐH SƯ PHẠM NGỮ VĂN	KINH	705 - 2.5 năm
16	NGUYỄN THỊ	CẢNH	24/02/1996	NỮ	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
17	NGUYỄN THỊ LINH	CHI	05/09/2002	NỮ	NGHỆ AN	ĐHSP HÓA HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
18	NGUYỄN PHI	CHIẾN	13/05/1986	NAM	NGHỆ AN	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm
19	LÊ THỊ THỤC	CHINH	16/08/1997	NỮ	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
20	PHẠM NGỌC	DINH	22/07/1992	NAM	HÀ TĨNH	ĐH CHỈ HUY - THAM MƯU LỤC QUÂN	KINH	705 - 2.5 năm
21	NGUYỄN THỊ KIM	DUNG	01/07/1978	NỮ	NGHỆ AN	ĐH ĐIỀU DƯỠNG ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
22	NGUYỄN THỊ MỸ	DUNG	29/09/1986	NỮ	NGHỆ AN	DƯỢC SĨ	KINH	705 - 2.5 năm

23	TRẦN THỊ	DUNG	29/03/1998	NỮ	HÀ TĨNH	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
24	TRẦN THỊ THÙY	DUNG	02/09/1994	NỮ	NGHỆ AN	ĐHSP VẬT LÝ	KINH	705 - 2.5 năm
25	CAO THANH	DUY	13/11/1995	NAM	NGHỆ AN	BÁC SĨ ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
26	NGUYỄN THẢO	ĐAN	27/12/2001	NỮ	HÀ TĨNH	ĐH SƯ PHẠM HÓA HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
27	TRẦN	ĐỘ	11/09/1994	NAM	HÀ TĨNH	KS KỸ THUẬT XÂY DỰNG	KINH	705 - 2.5 năm
28	HOÀNG ĐÌNH	ĐƯỜNG	02/12/1983	NAM	NGHỆ AN	BÁC SĨ ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
29	HỒ BÁ	ĐỨC	15/04/1995	NAM	NGHỆ AN	BÁC SĨ ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
30	NGUYỄN BÁ	ĐỨC	25/09/1996	NAM	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
31	NGUYỄN HUY	ĐỨC	25/10/1995	NAM	NGHỆ AN	BÁC SĨ ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
32	TRẦN TRUNG	ĐỨC	30/09/1992	NAM	HÀ TĨNH	ĐH QUẢN LÝ GIÁO DỤC	KINH	705 - 2.5 năm
33	BÙI THỊ THU	GIANG	22/03/1998	NỮ	HÒA BÌNH	BÁC SỸ Y KHOA	MƯỜNG	705 - 2.5 năm
34	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	GIANG	23/08/2001	NỮ	NGHỆ AN	ĐH ĐIỀU DƯỠNG	KINH	705 - 2.5 năm
35	NGUYỄN THỊ TRÀ	GIANG	20/07/1994	NỮ	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y HỌC CỔ TRUYỀN	KINH	705 - 2.5 năm
36	NGŨ THỊ TRÀ	GIANG	18/12/2001	NỮ	NGHỆ AN	ĐHSP HÓA HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
37	PHẠM THỊ	GIANG	05/07/1997	NỮ	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
38	NGUYỄN HỮU	GIÁO	13/11/1999	NAM	NGHỆ AN	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm
39	ĐẶNG NGÂN	HÀ	01/05/2002	NỮ	NGHỆ AN	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm
40	ĐỒNG THỊ NGỌC	HÀ	15/06/1987	NỮ	ĐỒNG NAI	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm
41	LÊ THỊ NGỌC	HÀ	15/09/1991	NỮ	NGHỆ AN	ĐH KINH TẾ	KINH	705 - 2.5 năm
42	TRỊNH THI THU	HÀ	24/02/2000	NỮ	HÀ TĨNH	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
43	NGUYỄN TẤT	HÀO	10/03/1998	NAM	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
44	CAO THỊ THANH	HẢI	20/07/1975	NỮ	NGHỆ AN	BÁC SĨ ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
45	HÀ VĂN	HẢI	09/09/1986	NAM	NGHỆ AN	ĐH CHÍNH TRỊ - LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm
46	PHẠM XUÂN	HẢI	09/11/1976	NAM	NGHỆ AN	ĐH SÁNG TÁC	KINH	705 - 2.5 năm
47	TRẦN THỊ	HẢI	20/08/1994	NỮ	NGHỆ AN	ĐH KỸ THUẬT Y HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
48	CÙ THỊ	HẠNH	12/01/2001	NỮ	HÀ TĨNH	ĐH SƯ PHẠM NGỮ VĂN	KINH	705 - 2.5 năm
49	NGÔ THỊ	HẠNH	02/02/1987	NỮ	NGHỆ AN	ĐH LUẬT HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
50	THÁI THỊ MỸ	HẠNH	03/11/1991	NỮ	NGHỆ AN	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705 - 2.5 năm
51	TRỊNH THỊ HỒNG	HẠNH	23/05/1997	NỮ	NGHỆ AN	ĐH SƯ PHẠM HÓA HỌC	KINH	705 - 2.5 năm

52	VÕ THỊ	HẠNH	03/08/1998	NỮ	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
53	NGUYỄN THỊ	HẰNG	06/09/2000	NỮ	NGHỆ AN	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm
54	NGUYỄN THỊ MỸ	HẰNG	15/03/1996	NỮ	NGHỆ AN	ĐH TÀI CHÍNH- NGÂN HÀNG	KINH	705 - 2.5 năm
55	PHAN VŨ DIỄM	HẰNG	23/03/1987	NỮ	NGHỆ AN	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm
56	NGUYỄN THỊ	HÂN	21/08/1979	NỮ	NGHỆ AN	ĐH VẬT LÝ	KINH	705 - 2.5 năm
57	PHAN THỊ	HIỀN	03/07/1996	NỮ	NGHỆ AN	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm
58	NGUYỄN THỊ	HOA	05/06/1996	NỮ	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y HỌC CỔ TRUYỀN	KINH	705 - 2.5 năm
59	NGUYỄN THỊ	HOA	12/02/1997	NỮ	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
60	ĐẬU THỊ	HOÀI	03/09/1983	NỮ	HÀ TĨNH	ĐH QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm
61	LÊ THỊ	HOÀI	21/08/2002	NỮ	NGHỆ AN	ĐH SƯ PHẠM NGỮ VĂN	KINH	705 - 2.5 năm
62	LÊ TRẦN	HOÀI	24/08/1995	NỮ	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
63	NGUYỄN THỊ THANH	HOÀI	02/01/2002	NỮ	NGHỆ AN	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
64	NGUYỄN VĂN	HÒA	17/02/1999	NAM	NGHỆ AN	KS CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT VẬT LIỆU XÂY DỰNG	KINH	705 - 2.5 năm
65	PHAN VĂN	HÓA	02/10/1991	NAM	HÀ TĨNH	ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	KINH	705 - 2.5 năm
66	NGUYỄN VĂN	HUY	21/04/1994	NAM	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
67	BÙI THỊ	HUYỀN	20/03/1993	NỮ	NGHỆ AN	ĐH ĐIỀU DƯỠNG	KINH	705 - 2.5 năm
68	HOÀNG THANH	HUYỀN	05/04/1997	NỮ	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
69	NGÔ THỊ THANH	HUYỀN	17/10/1995	NỮ	NGHỆ AN	ĐH SƯ PHẠM VẬT LÝ	KINH	705 - 2.5 năm
70	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	05/09/2002	NỮ	NGHỆ AN	ĐH GIÁO DỤC MẦM NON	KINH	705 - 2.5 năm
71	NGUYỄN THỊ THANH	HUYỀN	25/01/1996	NỮ	NGHỆ AN	ĐH ĐIỀU DƯỠNG	KINH	705 - 2.5 năm
72	TRẦN THỊ KHÁNH	HUYỀN	09/04/1994	NỮ	NGHỆ AN	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm
73	VÕ THỊ HẢI	HUYỀN	07/01/1988	NỮ	NGHỆ AN	ĐHSP SINH HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
74	KA VĂN	HÙNG	15/06/1988	NAM	NGHỆ AN	BÁC SĨ ĐA KHOA	THÁI	705 - 2.5 năm
75	NGUYỄN PHAN LINH	HƯƠNG	16/11/1996	NỮ	NGHỆ AN	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm
76	PHẠM THỊ	HƯƠNG	02/07/1994	NỮ	NGHỆ AN	ĐHSP NGỮ VĂN	KINH	705 - 2.5 năm
77	PHẠM THỊ	HƯỜNG	20/10/1989	NỮ	HÀ TĨNH	BÁC SĨ RĂNG HÀM MẶT	KINH	705 - 2.5 năm
78	ĐINH THỊ NGỌC	KHẢI	18/12/1996	NỮ	NGHỆ AN	ĐHSP SINH HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
79	NGUYỄN HUY QUỐC	KHÁNH	02/09/1996	NAM	NGHỆ AN	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm
80	LÔ THỊ	LỆ	26/09/1995	NỮ	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	THÁI	705 - 2.5 năm

81	CHU THỊ THÙY	LINH	20/11/1996	NỮ	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y HỌC CỔ TRUYỀN	KINH	705 - 2.5 năm
82	GIANG HỒNG	LINH	15/10/1994	NỮ	THÁI BÌNH	BÁC SĨ ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
83	HOÀNG NGỌC	LINH	22/12/1996	NỮ	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
84	LÊ DIỆU	LINH	24/08/2002	NỮ	NGHỆ AN	ĐHSP HÓA HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
85	LÊ THỊ MỸ	LINH	25/09/1994	NỮ	HÀ TĨNH	BÁC SĨ Y HỌC CỔ TRUYỀN	KINH	705 - 2.5 năm
86	NGUYỄN THỊ	LINH	16/06/1998	NỮ	HÀ TĨNH	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
87	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	02/02/1997	NỮ	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
88	NGUYỄN THÙY	LINH	08/12/2001	NỮ	NGHỆ AN	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	THÁI	705 - 2.5 năm
89	NGUYỄN THÙY	LINH	19/08/2002	NỮ	NGHỆ AN	ĐHSP NGỮ VĂN	KINH	705 - 2.5 năm
90	PHẠM THỊ MỸ	LINH	02/11/1996	NỮ	NGHỆ AN	ĐH KINH TẾ	KINH	705 - 2.5 năm
91	TRẦN THỊ DIỆU	LINH	07/10/2000	NỮ	NGHỆ AN	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm
92	HOÀNG THỊ	LOAN	19/08/1989	NỮ	NGHỆ AN	ĐH ĐIỀU DƯỠNG	KINH	705 - 2.5 năm
93	NGUYỄN THỊ	LOAN	25/12/1993	NỮ	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
94	VÕ HỒNG	LOAN	20/12/1988	NAM	NGHỆ AN	ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG	KINH	705 - 2.5 năm
95	DƯƠNG HẢI	LONG	22/01/1991	NAM	NGHỆ AN	ĐH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	KINH	705 - 2.5 năm
96	NGUYỄN THỊ	LỢI	26/05/1999	NỮ	NGHỆ AN	ĐH GIÁO DỤC MẦM NON	KINH	705 - 2.5 năm
97	NGUYỄN THỊ	LỢI	12/08/1983	NỮ	NGHỆ AN	ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	KINH	705 - 2.5 năm
98	NGUYỄN QUỲNH	LƯƠNG	28/06/2001	NỮ	NGHỆ AN	ĐH SƯ PHẠM TOÁN HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
99	LÊ KHÁNH	LY	13/06/1999	NỮ	ĐỒNG NAI	ĐHSP HÓA HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
100	NGUYỄN KHÁNH	LY	02/09/1990	NỮ	NGHỆ AN	ĐH ĐIỀU DƯỠNG	KINH	705 - 2.5 năm
101	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LY	02/11/1999	NỮ	HÀ TĨNH	ĐH ĐIỀU DƯỠNG	KINH	705 - 2.5 năm
102	TRỊNH HỒNG	LY	03/01/1990	NỮ	NGHỆ AN	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	KINH	705 - 2.5 năm
103	NGUYỄN THỊ	MAI	20/05/1991	NỮ	THANH HÓA	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705 - 2.5 năm
104	PHAN VĂN	MẠNH	01/09/1992	NAM	NGHỆ AN	BÁC SĨ ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
105	CAO TRƯỜNG	MINH	14/03/1999	NAM	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
106	NGUYỄN THỊ	MINH	20/10/1993	NỮ	NGHỆ AN	BÁC SĨ ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
107	NGUYỄN THỊ	MỸ	11/08/1998	NỮ	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
108	LÊ THỊ	NA	08/01/2001	NỮ	HÀ TĨNH	ĐH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	KINH	705 - 2.5 năm
109	MAI THỊ LÊ	NA	12/08/1997	NỮ	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm

110	ĐẶNG KHẮC	NAM	19/09/1984	NAM	NGHỆ AN	KS XÂY DỰNG DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP	KINH	705 - 2.5 năm
111	LÊ THỊ QUỲNH	NGA	13/01/2001	NỮ	NGHỆ AN	ĐHSP TOÁN HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
112	MAI THỊ	NGÂN	02/07/1991	NỮ	THANH HÓA	BÁC SĨ Y HỌC DỰ PHÒNG	KINH	705 - 2.5 năm
113	PHẠM THỊ KIM	NGÂN	07/12/2002	NỮ	NGHỆ AN	ĐHSP HÓA HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
114	TRẦN THỊ THÚY	NGÂN	10/05/1987	NỮ	NGHỆ AN	ĐH SƯ PHẠM HÓA HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
115	HOÀNG TRUNG	NGHĨA	17/09/1994	NAM	THANH HÓA	ĐH SƯ PHẠM TIN HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
116	PHẠM THỊ	NGỌC	23/06/1997	NỮ	HÀ TĨNH	BÁC SĨ Y ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
117	TRẦN THỊ	NGỌC	03/07/1999	NỮ	NGHỆ AN	ĐH NGỮ VĂN	KINH	705 - 2.5 năm
118	MAI XUÂN	NGUYÊN	10/10/1989	NAM	NGHỆ AN	ĐH VẬT LÝ	KINH	705 - 2.5 năm
119	TRẦN THỊ THANH	NHÀN	28/11/1999	NỮ	NGHỆ AN	ĐH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	KINH	705 - 2.5 năm
120	LÔ VĂN	NHẬT	27/05/2002	NAM	NGHỆ AN	ĐH SƯ PHẠM NGỮ VĂN	THÁI	705 - 2.5 năm
121	TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG	NHI	22/11/1999	NỮ	NGHỆ AN	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	THỔ	705 - 2.5 năm
122	NGÔ THỊ	NHUNG	20/05/1996	NỮ	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
123	NGUYỄN CẨM	NHUNG	04/06/1992	NỮ	NGHỆ AN	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm
124	NGUYỄN THỊ	NHUNG	10/06/1977	NỮ	NGHỆ AN	ĐH ĐIỀU DƯỠNG	KINH	705 - 2.5 năm
125	NGUYỄN HỒ QUỲNH	NHƯ	17/12/1993	NỮ	NGHỆ AN	KS KINH TẾ	KINH	705 - 2.5 năm
126	HÀ THÚY	OANH	16/01/2002	NỮ	NGHỆ AN	ĐHSP HÓA HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
127	NGUYỄN THỊ	OANH	27/06/1997	NỮ	NGHỆ AN	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705 - 2.5 năm
128	NGUYỄN THỊ LÂM	OANH	10/07/1995	NỮ	NGHỆ AN	ĐHSP HÓA HỌC	THỔ	705 - 2.5 năm
129	TRẦN THỊ KIỀU	OANH	20/10/1998	NỮ	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
130	TRẦN HẢI	PHONG	04/06/2002	NAM	NGHỆ AN	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	KINH	705 - 2.5 năm
131	HOÀNG THỊ	PHƯƠNG	27/11/1997	NỮ	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
132	LÊ HOÀI	PHƯƠNG	05/10/2000	NỮ	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
133	NGUYỄN MAI	PHƯƠNG	02/11/1994	NỮ	NGHỆ AN	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm
134	TRẦN THỊ	PHƯƠNG	02/06/1999	NỮ	NGHỆ AN	BÁC SĨ ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
135	NGUYỄN THỊ NGỌC	PHƯỢNG	05/02/1995	NỮ	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
136	VĂN ĐÌNH	QUANG	19/10/2002	NAM	NGHỆ AN	ĐH KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
137	VÕ DUY	QUYỀN	27/03/2000	NAM	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
138	ĐẶNG THỊ DIỆP	QUỲNH	06/11/2001	NỮ	NGHỆ AN	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	THÁI	705 - 2.5 năm

139	ĐINH THỊ	QUỲNH	28/08/1997	NỮ	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
140	LANG THỊ THÚY	QUỲNH	03/11/2000	NỮ	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y HỌC CỔ TRUYỀN	THÁI	705 - 2.5 năm
141	LÊ THỊ NHƯ	QUỲNH	24/09/1990	NỮ	NGHỆ AN	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm
142	NGUYỄN THỊ	QUỲNH	16/06/1997	NỮ	NGHỆ AN	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
143	TRẦN THỊ VÂN	QUỲNH	28/10/1999	NỮ	HÀ TĨNH	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
144	ĐOÀN XUÂN	QUÝ	06/01/1998	NAM	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
145	VŨ THỊ	SEN	16/02/1999	NỮ	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
146	NGUYỄN THỊ MINH	SOA	20/08/2002	NỮ	NGHỆ AN	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
147	VÕ THỊ KIM	SOA	26/11/1992	NỮ	HÀ TĨNH	BÁC SĨ ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
148	NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG	SƠN	21/09/1997	NAM	NGHỆ AN	ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG	KINH	705 - 2.5 năm
149	PHAN THẾ LÊ	SƠN	12/03/1996	NAM	NGHỆ AN	ĐH BÁC SĨ Y ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
150	LÊ THỊ THANH	TÂM	15/04/1998	NỮ	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
151	TRẦN THỊ	TÂM	14/11/1986	NỮ	NGHỆ AN	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm
152	NGUYỄN HỮU	THANH	12/01/1988	NAM	NGHỆ AN	ĐH GIÁO DỤC ĐẶC BIỆT	KINH	705 - 2.5 năm
153	TRẦN THỊ	THANH	04/09/1997	NỮ	NGHỆ AN	ĐH KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
154	LÊ HƯƠNG	THẢO	28/06/1999	NỮ	HÀ TĨNH	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
155	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	20/12/1999	NỮ	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
156	PHẠM PHƯƠNG	THẢO	16/11/1991	NỮ	HÀ TĨNH	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm
157	DƯƠNG THỊ	THẮM	03/10/1991	NỮ	NGHỆ AN	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	KINH	705 - 2.5 năm
158	NGUYỄN THỊ	THẮM	16/02/1991	NỮ	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y HỌC DỰ PHÒNG	KINH	705 - 2.5 năm
159	ÂU CHIẾN	THẮNG	26/03/1985	NAM	NGHỆ AN	KS CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN	KINH	705 - 2.5 năm
160	NGUYỄN VĂN	THỊNH	26/10/2001	NAM	NGHỆ AN	KỸ SƯ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	KINH	705 - 2.5 năm
161	NGUYỄN TRỌNG	THỌ	16/04/1986	NAM	NGHỆ AN	BÁC SĨ ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
162	KIỀU THỊ ANH	THƠ	02/04/1996	NỮ	HÀ TĨNH	ĐH NÔNG NGHIỆP	KINH	705 - 2.5 năm
163	LÊ THỊ ANH	THƠ	13/07/2002	NỮ	NGHỆ AN	ĐH SP NGỮ VĂN	KINH	705 - 2.5 năm
164	NGUYỄN THỊ MINH	THUÝ	27/08/2000	NỮ	NGHỆ AN	BÁC SỸ Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
165	ĐẬU THỊ	THỦY	16/02/1999	NỮ	NGHỆ AN	ĐH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	KINH	705 - 2.5 năm
166	HOÀNG THỊ	THỦY	10/06/2002	NỮ	NGHỆ AN	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
167	NGUYỄN THỊ	THỦY	28/07/1990	NỮ	HÀ TĨNH	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm

168	TRẦN THỊ	THỦY	15/07/1992	NỮ	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y HỌC DỰ PHÒNG	KINH	705 - 2.5 năm
169	PHAN THỊ	THÚY	26/07/1996	NỮ	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
170	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	26/09/1999	NỮ	NGHỆ AN	BÁC SĨ ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
171	HUỲNH THƯƠNG	THƯƠNG	02/08/1996	NỮ	NGHỆ AN	ĐHSP SINH HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
172	NGUYỄN THỊ	THƯƠNG	10/10/1988	NỮ	HÀ TĨNH	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm
173	NGUYỄN THỊ HOÀI	THƯƠNG	20/08/2001	NỮ	NGHỆ AN	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
174	PHẠM THỊ	THƯƠNG	16/07/1998	NỮ	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y HỌC CỔ TRUYỀN	KINH	705 - 2.5 năm
175	PHAN SỸ	THƯỜNG	10/02/1988	NAM	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
176	VÕ THỊ	THƯỜNG	19/02/1992	NỮ	NGHỆ AN	BÁC SĨ ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
177	HỒ THỊ THỦY	TIÊN	19/02/1997	NỮ	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
178	LÊ CẨM	TIÊN	18/11/1996	NỮ	NGHỆ AN	ĐH SƯ PHẠM SINH HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
179	NGUYỄN ĐÌNH	TIỀN	05/12/1999	NAM	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
180	NGUYỄN NGỌC	TÍN	27/07/2000	NAM	HÀ NỘI	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
181	NGUYỄN HỮU	TOÀN	31/05/1977	NAM	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
182	BÙI THỊ HUYỀN	TRANG	06/07/1985	NỮ	NGHỆ AN	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm
183	CAO THỊ	TRANG	22/07/1994	NỮ	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
184	HOÀNG THỊ THÙY	TRANG	21/11/1995	NỮ	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
185	LÊ MINH	TRANG	07/01/1995	NỮ	NGHỆ AN	ĐH GD MẦM NON	KINH	705 - 2.5 năm
186	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	17/03/1997	NỮ	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y HỌC CỔ TRUYỀN	KINH	705 - 2.5 năm
187	NGUYỄN THỊ LINH	TRANG	26/02/2001	NỮ	NGHỆ AN	ĐH SƯ PHẠM TIN HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
188	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	19/09/1994	NỮ	NGHỆ AN	ĐHSP HÓA HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
189	NGUYỄN THỊ YẾN	TRANG	01/07/1996	NỮ	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
190	PHẠM THỊ	TRANG	16/11/1985	NỮ	HÀ TĨNH	BÁC SĨ Y HỌC DỰ PHÒNG	KINH	705 - 2.5 năm
191	PHÙNG THỊ	TRANG	21/06/1993	NỮ	NGHỆ AN	BÁC SĨ ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
192	TRẦN THỊ HUYỀN	TRANG	08/03/1997	NỮ	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
193	NGUYỄN BÁ SƠN	TRÀ	24/08/1998	NAM	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
194	VÕ THỊ QUỲNH	TRÂM	20/10/1989	NỮ	HÀ TĨNH	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm
195	NGUYỄN VĂN	TRỌNG	11/01/1999	NAM	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y HỌC CỔ TRUYỀN	KINH	705 - 2.5 năm
196	ĐẶNG THỊ	TRUNG	12/02/1999	NỮ	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm

VIỆN ... TẠO ... CÔNG N... THÔNG T... ...AI HỌC

197	ĐƯỜNG MINH	TUẤN	20/07/1988	NAM	NGHỆ AN	BÁC SĨ QUÂN Y	KINH	705 - 2.5 năm
198	NGUYỄN THỊ	TUYẾT	16/10/1997	NỮ	NGHỆ AN	BÁC SỸ Y HỌC CỔ TRUYỀN	KINH	705 - 2.5 năm
199	ĐINH CẢNH	TÙNG	01/08/1996	NAM	QUẢNG BÌNH	ĐH SƯ PHẠM HÓA HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
200	ĐINH VĂN	TÙNG	02/10/1998	NAM	NGHỆ AN	ĐH Y TẾ CÔNG CỘNG	KINH	705 - 2.5 năm
201	TRẦN BẢO	UYÊN	29/08/1997	NỮ	NGHỆ AN	ĐH GIÁO DỤC HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
202	VI THỊ TÓ	UYÊN	08/10/1995	NỮ	NGHỆ AN	BÁC SĨ Y KHOA	THÁI	705 - 2.5 năm
203	ĐẶNG THỊ HỒNG	VÂN	22/04/1992	NỮ	NGHỆ AN	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm
204	NGUYỄN THỊ	VÂN	24/07/1980	NỮ	NGHỆ AN	ĐH GIÁO DỤC MẦM NON	KINH	705 - 2.5 năm
205	NGUYỄN THÙY	VÂN	14/07/1993	NỮ	NGHỆ AN	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705 - 2.5 năm
206	PHAN XUÂN	VINH	15/08/1980	NAM	NGHỆ AN	KS XÂY DỰNG DÂN DỤNG CÔNG NGHIỆP	KINH	705 - 2.5 năm
207	NGUYỄN VĂN	VÕ	05/02/1986	NAM	HÀ TĨNH	ĐH CHỈ HUY - THAM MƯU LỤC QUÂN	KINH	705 - 2.5 năm
208	CAO THỊ	YẾN	03/03/1992	NỮ	NGHỆ AN	BÁC SĨ ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
209	LÊ THỊ HẢI	YẾN	13/10/1998	NỮ	HÀ TĨNH	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
210	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	20/09/1982	NỮ	HÀ TĨNH	ĐH THÔNG TIN- THƯ VIỆN	KINH	705 - 2.5 năm
211	NGUYỄN NHƯ	Ý	23/10/1991	NAM	NGHỆ AN	ĐH LUẬT KINH DOANH	KINH	705 - 2.5 năm

Danh sách này có: 211 sinh viên

CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ

Nguyễn Thị Thu Hiền

CÁN BỘ KIỂM TRA

Võ Đình Lâm

PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN ĐÀO TẠO MỞ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Nguyễn Hoàng Sơn

ĐẠI HỌC HUẾ
VIỆN ĐÀO TẠO MỞ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2025
TẠI TTGDTX TỈNH HÀ TĨNH

Kèm theo Quyết định số 946.../QĐ-VĐTMCNTT ngày 28..tháng 02...năm 2025. của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế

STT	Họ tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Văn bằng nhập học	Dân tộc	Ngành - CTĐT
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - NHẬP HỌC: 03/03/2025 **THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 2.5 năm**								
1	HOÀNG HỮU	**ANH**	01/04/1998	NAM	HÀ TĨNH	KIẾN TRÚC SƯ	KINH	705 - 2.5 năm
2	NGUYỄN THÁI KHÁNH	**HUYỀN**	14/10/2002	NỮ	HÀ TĨNH	ĐẠI HỌC QUẢN LÝ CÔNG	KINH	705 - 2.5 năm
3	TRẦN ĐÌNH THÁI	**THỊNH**	13/02/2002	NAM	HÀ TĨNH	ĐẠI HỌC LOGICTIC VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	KINH	705 - 2.5 năm

Danh sách này có: 3 sinh viên

CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ

Nguyễn Văn Lợi

CÁN BỘ KIỂM TRA

Võ Đình Lâm

PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN ĐÀO TẠO MỞ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Nguyễn Hoàng Sơn

ĐẠI HỌC HUẾ
VIỆN ĐÀO TẠO MỞ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2025
TẠI VIỆN ĐÀO TẠO MỞ VÀ CNTT - ĐẠI HỌC HUẾ

(Kèm theo Quyết định số 946/QĐ-VĐTMCNTT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế)

STT	Họ tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Văn bằng nhập học	Dân tộc	Ngành - CTĐT
NGÀNH LUẬT - NHẬP HỌC: 03/03/2025								
THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 2.5 năm								
	G29							
1	NGUYỄN THỊ THÙY	DUYÊN	08/03/1995	NỮ	QUẢNG NGÃI	ĐH LƯU TRỮ HỌC	KINH	503 - 2.5 năm
2	BÙI ĐĂNG	HÀ	17/11/1986	NAM	THÁI BÌNH	ĐH KẾ TOÁN	KINH	503 - 2.5 năm
3	PHẠM THỊ	HIỀN	08/06/1993	NỮ	NAM ĐỊNH	ĐH VIỆT NAM HỌC	KINH	503 - 2.5 năm
4	PHAN THỊ KIM	HUẾ	12/06/1994	NỮ	HUẾ	ĐH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	KINH	503 - 2.5 năm
5	VŨ XUÂN	HUY	04/04/1989	NAM	THANH HÓA	KS TÀU BIỂN	KINH	503 - 2.5 năm
6	BÙI VĂN	KHOA	19/10/1994	NAM	KHÁNH HÒA	ĐH ĐIỀU TRA TRINH SÁT	KINH	503 - 2.5 năm
7	CÁI VĂN	LỰC	10/10/1992	NAM	HUẾ	ĐH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	KINH	503 - 2.5 năm
8	VÕ THỊ LỆ	NA	16/08/1997	NỮ	NGHỆ AN	KS KHOA HỌC MÁY TÍNH	KINH	503 - 2.5 năm
9	CÁI THỊ BÍCH	NGÂN	11/05/2001	NỮ	HUẾ	ĐH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	KINH	503 - 2.5 năm
10	TRẦN MẠNH	NHÂN	16/03/1993	NAM	NGHỆ AN	KS CƠ KHÍ	KINH	503 - 2.5 năm
11	VƯƠNG THẢO	QUYÊN	14/10/1989	NỮ	QUẢNG NGÃI	ĐH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	KINH	503 - 2.5 năm
12	TRẦN QUỐC	TÀI	02/10/1992	NAM	ĐÀ NẴNG	ĐH KẾ TOÁN	KINH	503 - 2.5 năm
13	LÊ THỊ PHƯƠNG	THẢO	13/04/1990	NỮ	HỒ CHÍ MINH	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	KINH	503 - 2.5 năm

14	TRẦN HOÀNG	THIỆN	08/01/1992	NAM	VĨNH LONG	ĐH KIẾN TRÚC QUẢN LÝ ĐÔ THỊ	KINH	503 - 2.5 năm
15	PHẠM THỊ	THƯỜNG	27/11/1991	NỮ	ĐỒNG NAI	KS CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG	KINH	503 - 2.5 năm
16	TRƯƠNG CAO MINH	TUẤN	02/03/1985	NAM	BÌNH ĐỊNH	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH (NGOẠI THƯƠNG)	KINH	503 - 2.5 năm
17	TẠ THỊ NGỌC	YẾN	10/11/1988	NỮ	GIA LAI	ĐH VĂN HỌC	KINH	503 - 2.5 năm
	G13							
18	NGUYỄN THỊ THÁI	AN	08/04/1992	NỮ	HỒ CHÍ MINH	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	KINH	503 - 2.5 năm
19	NGUYỄN NGỌC NHƯ	ANH	09/11/1983	NỮ	HỒ CHÍ MINH	ĐH NGÔN NGỮ ANH	KINH	503 - 2.5 năm
20	NGUYỄN NGỌC VÂN	ANH	03/12/1992	NỮ	HỒ CHÍ MINH	ĐH NGÔN NGỮ ANH	KINH	503 - 2.5 năm
21	LƯƠNG THẾ	BIÊN	25/12/1984	NAM	THÁI BÌNH	ĐH NGỮ VĂN ANH	KINH	503 - 2.5 năm
22	HỒ NGỌC PHƯƠNG	DUY	19/03/2001	NAM	HỒ CHÍ MINH	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	KINH	503 - 2.5 năm
23	PHẠM THANH	ĐẶNG	17/04/2000	NAM	HẢI PHÒNG	ĐH KINH TẾ VẬN TẢI BIỂN	KINH	503 - 2.5 năm
24	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	28/10/1989	NỮ	HỒ CHÍ MINH	ĐH KINH TẾ KẾ TOÁN KIỂM TOÁN	KINH	503 - 2.5 năm
25	NGUYỄN THỊ MỘNG	THÚY	05/01/1995	NỮ	BẾN TRE	ĐH DƯỢC HỌC	KINH	503 - 2.5 năm
26	TRỊNH NGỌC ANH	THƯ	24/02/1992	NỮ	HỒ CHÍ MINH	ĐH NGÔN NGỮ ANH	KINH	503 - 2.5 năm
27	NGUYỄN TRẦN QUẾ	TRÂN	13/09/2000	NỮ	HỒ CHÍ MINH	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	KINH	503 - 2.5 năm
28	VÕ THỊ THU	YÊN	10/11/1982	NỮ	CẦN THƠ	ĐH NGOẠI THƯƠNG	KINH	503 - 2.5 năm
	G24							
29	LÊ CHUNG	THÀNH	01/05/1986	NAM	THANH HÓA	ĐH KINH TẾ	KINH	503 - 2.5 năm
	G08							
30	THÁI THẾ	HÙNG	05/01/1991	NAM	BÀ RỊA - VŨNG TÀU	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	503 - 2.5 năm
31	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	14/02/1999	NỮ	GIA LAI	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	503 - 2.5 năm
	G06							

32	KHẤU MINH	GIANG	06/05/1989	NAM	ĐẮK LẮK	ĐH HÀNH CHÍNH HỌC	NÙNG	503 - 2.5 năm
NGÀNH LUẬT - NHẬP HỌC: 03/03/2025								
THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 3 năm								
	G29							
1	PHẠM VĂN	ĐỨC	16/09/2000	NAM	THANH HÓA	TC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI, THPT	KINH	503 - 3 năm
2	BÙI VĂN	KHÁNH	03/09/1996	NAM	BÌNH PHƯỚC	TC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI, THPT	KINH	503 - 3 năm
3	TỐNG NGỌC	LÂM	15/05/1996	NAM	THÁI BÌNH	TC QUẢN TRỊ MẠNG MÁY TÍNH, THPT	KINH	503 - 3 năm
	G13							
4	LÊ TRỌNG HOÀNG	NGUYÊN	23/11/1997	NAM	HUẾ	TC KIỂM TRA AN NINH HÀNG KHÔNG, THPT	KINH	503 - 3 năm
	G06							
5	BÙI THỊ	LOAN	28/11/1997	NỮ	LÂM ĐỒNG	CĐ KẾ TOÁN	KINH	503 - 3 năm
NGÀNH LUẬT - NHẬP HỌC: 03/03/2025								
THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4.5 năm								
	G29							
1	NGUYỄN THỊ NGÂN	HÀ	15/11/1994	NỮ	ĐỒNG NAI	THPT	KINH	503 - 4.5 năm
2	PHAN LÊ	TÍNH	26/03/1996	NAM	BẾN TRE	THPT	KINH	503 - 4.5 năm
	G15							
3	TRẦN VĂN	CHIẾN	24/08/1991	NAM	QUẢNG TRỊ	THPT	KINH	503 - 4.5 năm
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - NHẬP HỌC: 03/03/2025								
THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 2.5 năm								
	G29							
1	NGUYỄN THỊ THÚY	AN	03/09/1999	NỮ	BÌNH ĐỊNH	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm

2	ĐẶNG THỊ QUỲNH	ANH	25/09/1986	NỮ	HUẾ	KS CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM - SINH HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
3	NGUYỄN KIM	ANH	20/02/1979	NỮ	HỒ CHÍ MINH	ĐH NGỮ VĂN	KINH	705 - 2.5 năm
4	NGUYỄN THỊ HẢI	ANH	11/11/1979	NỮ	NGHỆ AN	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm
5	VÕ THỊ THU	BA	10/01/1978	NỮ	QUẢNG NGÃI	ĐH ĐIỀU DƯỠNG	KINH	705 - 2.5 năm
6	QUÁCH CHÂU	BÁU	04/11/2002	NAM	KIÊN GIANG	ĐH KINH TẾ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN	KINH	705 - 2.5 năm
7	NGUYỄN THỊ	BÉ	07/07/1979	NỮ	QUẢNG TRỊ	ĐH HÓA HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
8	TRƯƠNG VÕ NGỌC	CHÂU	24/04/1991	NỮ	HỒ CHÍ MINH	ĐH SP NGỮ VĂN	KINH	705 - 2.5 năm
9	NGUYỄN THỊ BÍCH	CHI	22/06/1984	NỮ	ĐỒNG NAI	KS NÔNG HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
10	NGUYỄN THỊ LINH	CHI	24/05/1997	NỮ	QUẢNG TRỊ	BS Y HỌC DỰ PHÒNG	KINH	705 - 2.5 năm
11	KIỀU THỊ	CHUNG	28/05/1999	NỮ	HÀ TÂY	ĐH NHÂN HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
12	NGUYỄN SỸ	CHƯƠNG	09/12/1985	NAM	THANH HÓA	ĐH TÂM LÝ - GIÁO DỤC	KINH	705 - 2.5 năm
13	VÕ HOÀNG	DIỄM	28/12/1992	NỮ	QUẢNG NGÃI	BS Y ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
14	CAO THỊ THÙY	DUNG	28/04/2001	NỮ	NGHỆ AN	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm
15	THÁI HỒNG	DŨNG	14/10/1977	NAM	HỒ CHÍ MINH	ĐH MỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP	HOA	705 - 2.5 năm
16	TRẦN NGỌC	DŨNG	03/07/1988	NAM	HÀ NỘI	KS ĐIỆN TỬ - VIỄN THÔNG	KINH	705 - 2.5 năm
17	HOÀNG THÙY	DƯƠNG	21/10/2001	NỮ	HÀ NỘI	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	MƯỜNG	705 - 2.5 năm
18	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	21/09/1988	NỮ	PHÚ YÊN	KS CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG	KINH	705 - 2.5 năm
19	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	29/11/1992	NỮ	ĐẮK LẮK	ĐH THÚ Y	KINH	705 - 2.5 năm
20	TẠ NAM	DƯƠNG	10/03/1993	NAM	HẢI DƯƠNG	KS CƠ - ĐIỆN TỬ	KINH	705 - 2.5 năm
21	PHÙNG XUÂN	DỰ	29/05/1990	NAM	HÀ NỘI	ĐH QUẢN LÝ GIÁO DỤC	KINH	705 - 2.5 năm
22	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	25/08/1996	NAM	ĐỒNG NAI	ĐH CH-TMLQ CẤP PHÂN ĐỘI CHUYÊN NGÀNH BB	KINH	705 - 2.5 năm

23	NGUYỄN	ĐƯƠNG	28/08/1979	NAM	HUẾ	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm
24	ĐINH HẢI	ĐỨC	10/10/1973	NAM	QUẢNG BÌNH	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm
25	NGUYỄN TRƯỜNG	GIANG	24/12/1995	NAM	ĐỒNG NAI	KS CÔNG NGHỆ KT HÓA HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
26	TRƯƠNG THỊ HƯƠNG	GIANG	24/11/1987	NỮ	HUẾ	BS Y HỌC CỔ TRUYỀN	KINH	705 - 2.5 năm
27	LÂM DUY	HẢI	01/12/1978	NAM	QUẢNG BÌNH	KS CƠ KHÍ CHẾ TẠO MÁY	KINH	705 - 2.5 năm
28	PHẠM THỊ THU	HẰNG	21/03/2000	NỮ	KON TUM	ĐH SP HÓA HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
29	MAI BÁ GIA	HÂN	30/10/1991	NỮ	QUẢNG NGÃI	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705 - 2.5 năm
30	ĐỖ THỊ THU	HIỀN	10/08/1980	NỮ	PHÚ THỌ	ĐH ĐIỀU DƯỠNG	KINH	705 - 2.5 năm
31	HUỲNH THỊ THU	HIỀN	25/03/1989	NỮ	QUẢNG NAM	ĐH KINH TẾ CHÍNH TRỊ	KINH	705 - 2.5 năm
32	NGUYỄN THỊ	HIỀN	05/08/1998	NỮ	HÀ NỘI	BS Y ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
33	NGUYỄN THỊ	HIỀN	10/10/1984	NỮ	THANH HÓA	ĐH VẬT LÝ	KINH	705 - 2.5 năm
34	NGÔ XUÂN	HOÀNG	14/05/2001	NAM	KIÊN GIANG	ĐH VIỆT NAM HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
35	NGUYỄN QUANG	HUY	20/08/2000	NAM	HÀ NỘI	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm
36	LẠI THỊ THANH	HUYỀN	21/10/1991	NỮ	HÀ TĨNH	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm
37	TRỊNH THỊ NGỌC	HUYỀN	23/09/1990	NỮ	THANH HÓA	BS Y HỌC DỰ PHÒNG	KINH	705 - 2.5 năm
38	HỒ NGỌC	HÙNG	03/05/1995	NAM	QUẢNG TRỊ	KS KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ	KINH	705 - 2.5 năm
39	NGUYỄN HỮU	HÙNG	04/03/1993	NAM	QUẢNG BÌNH	ĐH KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	KINH	705 - 2.5 năm
40	LA THỊ HOÀI	HƯƠNG	10/11/1995	NỮ	BÌNH ĐỊNH	ĐH CÔNG TÁC XÃ HỘI	KINH	705 - 2.5 năm
41	LÊ THỊ	HƯƠNG	15/11/1988	NỮ	PHÚ THỌ	ĐH GIÁO DỤC ĐẶC BIỆT	KINH	705 - 2.5 năm
42	NGUYỄN QUỲNH	HƯƠNG	05/12/2003	NỮ	KON TUM	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	KINH	705 - 2.5 năm
43	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	15/02/1993	NỮ	THÁI BÌNH	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm
44	PHẠM THỊ THU	HƯƠNG	10/11/1985	NỮ	NGHỆ AN	ĐH LỊCH SỬ	KINH	705 - 2.5 năm
45	TRẦN THỊ THÙY	HƯƠNG	07/05/1988	NỮ	ĐỒNG NAI	ĐH KINH DOANH QUỐC TẾ	KINH	705 - 2.5 năm

46	LÝ THỊ	HƯỜNG	04/07/1996	NỮ	ĐẮK LẮK	BS Y HỌC DỰ PHÒNG	NÙNG	705 - 2.5 năm
47	NGUYỄN THỊ	HƯỜNG	11/02/1988	NỮ	HÀ TĨNH	ĐH SP SINH HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
48	TƯỞNG THỊ THU	HƯỜNG	15/04/1980	NỮ	QUẢNG NAM	BS QUÂN Y	KINH	705 - 2.5 năm
49	LÊ VĂN	KẾT	30/04/1995	NAM	BÌNH THUẬN	ĐH SP ĐỊA LÝ	KINH	705 - 2.5 năm
50	LÊ TRỌNG	KHÁNH	16/04/1987	NAM	THANH HÓA	ĐH Y TẾ CÔNG CỘNG	KINH	705 - 2.5 năm
51	ĐẶNG THỊ HOÀNG	KHUÊ	19/10/1986	NỮ	ĐÀ NẴNG	ĐH DINH DƯỠNG	KINH	705 - 2.5 năm
52	NGUYỄN THỊ HỒNG	LAM	20/02/1986	NỮ	HÀ TĨNH	ĐH ĐIỀU DƯỠNG	KINH	705 - 2.5 năm
53	LÊ THỊ XUÂN	LÊ	20/06/1985	NỮ	QUẢNG NGÃI	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm
54	PHAN THỊ	LIỄU	01/04/1988	NỮ	HÀ TĨNH	ĐH GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ	KINH	705 - 2.5 năm
55	TRẦN THỊ DƯƠNG	LIỄU	21/01/1989	NỮ	BÌNH THUẬN	ĐH TÂM LÝ - GIÁO DỤC	KINH	705 - 2.5 năm
56	BÙI THỊ YẾN	LINH	10/12/1976	NỮ	QUẢNG NGÃI	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm
57	ĐINH NGUYỄN HƯƠNG	LINH	11/03/2001	NỮ	HÀ NỘI	ĐH QUẢN LÝ GIÁO DỤC	KINH	705 - 2.5 năm
58	LÊ HỮU HOÀNG	LINH	05/06/1994	NAM	HÀ TĨNH	ĐH CHỈ HUY KỸ THUẬT CÔNG BINH	KINH	705 - 2.5 năm
59	MẠC THỊ	LỰU	08/08/1996	NỮ	HẢI DƯƠNG	BS Y ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
60	PHẠM LÊ MAI	LY	02/08/1986	NỮ	QUẢNG NAM	ĐH LUẬT KINH DOANH	KINH	705 - 2.5 năm
61	PHÙNG THỊ HẠ	LY	14/09/1989	NỮ	ĐÀ NẴNG	ĐH ĐIỀU DƯỠNG	KINH	705 - 2.5 năm
62	BÙI THỊ ÚT	MAI	15/05/1995	NỮ	GIA LAI	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	MƯỜNG	705 - 2.5 năm
63	TRẦN THỊ NHƯ	MAI	18/12/1990	NỮ	HÀ NỘI	BS Y HỌC DỰ PHÒNG	KINH	705 - 2.5 năm
64	NGUYỄN THỊ LY	NA	03/03/1985	NỮ	ĐÀ NẴNG	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm
65	TRẦN THỊ THANH	NGA	03/09/1986	NỮ	QUẢNG NGÃI	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm
66	TRỊNH THỊ THÚY	NGA	06/09/1993	NỮ	HẢI DƯƠNG	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm
67	NGUYỄN MINH	NGỌC	13/10/1983	NAM	HÀ TÂY	ĐH KHOA HỌC MÁY TÍNH	KINH	705 - 2.5 năm
68	NGUYỄN THỊ KIM	NGỌC	14/01/1998	NỮ	TÂY NINH	ĐH GIÁO DỤC THỂ CHẤT	KINH	705 - 2.5 năm

69	TẠ THỊ QUỲNH	NGỌC	07/03/1980	NỮ	QUẢNG NGÃI	ĐH TOÁN - TIN HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
70	TRẦN THỊ BẢO	NGỌC	01/01/1986	NỮ	QUẢNG BÌNH	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705 - 2.5 năm
71	NGUYỄN THỊ THẢO	NGUYÊN	17/09/2000	NỮ	KON TUM	ĐH KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
72	NGÔ TIẾN	NHẬT	21/09/1994	NAM	NINH BÌNH	ĐH SP VẬT LÝ	KINH	705 - 2.5 năm
73	HOÀNG THỊ HOA	NHI	04/10/1995	NỮ	GIA LAI	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
74	LÊ NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	04/05/1996	NỮ	BÌNH ĐỊNH	BS Y HỌC DỰ PHÒNG	KINH	705 - 2.5 năm
75	TRẦN THỊ QUỲNH	NHƯ	07/10/2000	NỮ	QUẢNG NGÃI	ĐH SP TOÁN HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
76	TRƯƠNG TỐ	NHƯ	16/01/1983	NỮ	THÁI BÌNH	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH (MARKETING)	KINH	705 - 2.5 năm
77	PHẠM THỊ KIỀU	OANH	28/09/1988	NỮ	BÀ RỊA - VŨNG TÀU	ĐH SP VẬT LÝ	KINH	705 - 2.5 năm
78	TRẦN THỊ LOAN	OANH	11/05/1999	NỮ	ĐÀ NẴNG	KS QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	KINH	705 - 2.5 năm
79	HUỲNH VĂN	PHÚ	28/04/1988	NAM	TIỀN GIANG	ĐH SP TIN HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
80	PHẠM VĂN	PHÚC	31/10/1998	NAM	GIA LAI	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
81	NGUYỄN THỊ HỒNG	PHƯƠNG	30/08/1996	NỮ	NAM ĐỊNH	ĐH KINH TẾ	KINH	705 - 2.5 năm
82	NGUYỄN THỊ THU	PHƯƠNG	04/07/1999	NỮ	THÁI BÌNH	ĐH DƯỢC SĨ	KINH	705 - 2.5 năm
83	HOÀNG THỊ KIM	PHƯỢNG	17/08/1989	NỮ	BÌNH THUẬN	ĐH SP HÓA HỌC	TÀY	705 - 2.5 năm
84	NGUYỄN ĐỨC ANH	QUÂN	20/05/2002	NAM	HỒ CHÍ MINH	KS CÔNG NGHỆ KT ĐIỀU KHIỂN VÀ TĐH	KINH	705 - 2.5 năm
85	NGUYỄN NGỌC THẢO	QUYÊN	01/07/2001	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705 - 2.5 năm
86	PHẠM HƯƠNG	QUỲNH	21/10/1996	NỮ	NAM ĐỊNH	ĐH VĂN HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
87	NGUYỄN THỊ	QUÝ	06/06/1982	NỮ	HÀ TĨNH	BS Y ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
88	NGUYỄN THỊ HOÀNG	SA	02/06/1989	NỮ	QUẢNG NAM	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705 - 2.5 năm
89	HUỲNH THÀNH	SANG	29/03/1998	NAM	TIỀN GIANG	ĐH SP HÓA HỌC	KINH	705 - 2.5 năm

90	NGUYỄN THỊ	SƠN	07/04/1998	NỮ	HÀ NỘI	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
91	HUỲNH THỊ THU	SƯƠNG	26/04/1992	NỮ	QUẢNG NAM	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm
92	TRỊNH THỊ	TÂM	16/05/1990	NỮ	THANH HÓA	ĐH ĐIỀU DƯỠNG	KINH	705 - 2.5 năm
93	NGUYỄN NGỌC TRỌNG	TẤN	07/05/2000	NAM	ĐỒNG NAI	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm
94	MAI THỊ	THANH	04/04/1985	NỮ	QUẢNG NAM	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm
95	HOÀNG THU	THẢO	09/08/2000	NỮ	HƯNG YÊN	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
96	NGUYỄN HIẾU	THẢO	21/12/1982	NAM	SÔNG BÉ	ĐH LỊCH SỬ	KINH	705 - 2.5 năm
97	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	01/01/1979	NỮ	QUẢNG NGÃI	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm
98	TRẦN ANH	THI	01/02/1986	NỮ	ĐÀ NẴNG	ĐH KẾ TOÁN	HOA	705 - 2.5 năm
99	LÊ THỊ TUYẾT	THOA	20/02/1987	NỮ	QUẢNG NGÃI	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	KINH	705 - 2.5 năm
100	NGUYỄN THỊ HÀ	THU	10/05/2002	NỮ	KON TUM	ĐH GIÁO DỤC MẦM NON	KINH	705 - 2.5 năm
101	HỒ NGỌC	THUẬN	19/02/1979	NỮ	HỒ CHÍ MINH	ĐH NGỮ VĂN	KINH	705 - 2.5 năm
102	NGUYỄN PHƯƠNG	THÙY	10/09/1994	NỮ	KON TUM	KS QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	KINH	705 - 2.5 năm
103	TRẦN XUÂN	THỦY	24/02/1978	NAM	QUẢNG BÌNH	BS Y ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
104	LÊ THỊ MINH	THÚY	16/09/1997	NỮ	HÀ NỘI	BS Y HỌC CỔ TRUYỀN	KINH	705 - 2.5 năm
105	LÊ THỊ THANH	THƯ	21/01/1995	NỮ	HÀ NỘI	ĐH SP VẬT LÝ	KINH	705 - 2.5 năm
106	TRẦN THỊ NGỌC	THƯƠNG	16/01/1986	NỮ	QUẢNG NAM	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm
107	DƯƠNG THỊ ÁNH	TIÊN	22/12/1980	NỮ	QUẢNG NGÃI	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705 - 2.5 năm
108	VÕ THỦY	TIÊN	26/01/2001	NỮ	QUẢNG NGÃI	ĐH MARKETING	KINH	705 - 2.5 năm
109	TRẦN MINH	TIẾN	08/01/2001	NAM	BÌNH DƯƠNG	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705 - 2.5 năm
110	NGUYỄN QUỐC	TÍN	11/03/2000	NAM	PHÚ YÊN	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
111	CHÂU HOÀNG DIỆU	TRANG	13/12/1982	NỮ	ĐỒNG NAI	ĐH DƯỢC SĨ	KINH	705 - 2.5 năm
112	HOÀNG THU	TRANG	26/08/1987	NỮ	HÀ NỘI	BS Y KHOA (Y HỌC CỔ TRUYỀN)	KINH	705 - 2.5 năm

113	TRẦN THỊ THÙY	TRANG	12/03/1981	NỮ	BÀ RỊA - VŨNG TÀU	ĐH HÓA HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
114	LƯU QUỐC	TRẠNG	07/05/1994	NAM	QUẢNG NGÃI	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm
115	TRẦN THỊ HUYỀN	TRÂN	20/10/1990	NỮ	ĐẮK LẮK	ĐH GIÁO DỤC MẦM NON	KINH	705 - 2.5 năm
116	PHẠM LÊ TRÌNH	TRÌNH	26/09/1997	NỮ	QUẢNG NGÃI	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm
117	TRẦN QUANG	TRUNG	26/04/1982	NAM	THÁI BÌNH	KS CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	KINH	705 - 2.5 năm
118	PHẠM VĂN	TRƯỜNG	27/01/1990	NAM	HÀ NỘI	BS QUÂN Y	KINH	705 - 2.5 năm
119	NGUYỄN THỊ MINH	TUYỀN	29/08/1992	NỮ	ĐỒNG NAI	KS CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	KINH	705 - 2.5 năm
120	ĐỖ THỊ	TƯƠI	14/06/2000	NỮ	NAM ĐỊNH	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
121	PHAN THỊ KIỀU	UYÊN	20/05/1993	NỮ	QUẢNG NGÃI	ĐH SP TIN HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
122	LÊ PHẠM HOÀNG	VÂN	25/10/1997	NỮ	QUẢNG NAM	ĐH SP ĐỊA LÝ	KINH	705 - 2.5 năm
123	LÊ THỊ HỒNG	VÂN	28/08/1990	NỮ	HÀ TĨNH	ĐH ĐIỀU DƯỠNG	KINH	705 - 2.5 năm
124	PHẠM THỊ MỸ	VÂN	01/11/1988	NỮ	QUẢNG NGÃI	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG QUÁT	KINH	705 - 2.5 năm
125	NGUYỄN CÔNG	VIÊN	13/06/1999	NỮ	QUẢNG NAM	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm
126	NGUYỄN ĐINH ANH	VŨ	08/02/1992	NAM	NINH THUẬN	KS CÔNG NGHỆ KT CT XÂY DỰNG	KINH	705 - 2.5 năm
127	PHAN THỊ TƯỜNG	VY	20/11/1994	NỮ	ĐỒNG NAI	ĐH DƯỢC SĨ	KINH	705 - 2.5 năm
128	BÙI THỊ HẢI	YẾN	05/05/1985	NỮ	NGHỆ AN	ĐH GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ	KINH	705 - 2.5 năm

G24

129	CHU PHI	ANH	16/12/1989	NAM	THANH HÓA	BS ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
130	ĐỖ THỊ VÂN	ANH	01/01/1986	NỮ	THANH HÓA	BS Y ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
131	PHẠM THỊ VÂN	ANH	23/02/1997	NỮ	THÁI BÌNH	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
132	TRẦN THỊ LAN	ANH	11/01/1988	NỮ	THANH HÓA	ĐH XÃ HỘI HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
133	NGUYỄN THỊ	BÍCH	10/10/1988	NỮ	THANH HÓA	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	KINH	705 - 2.5 năm

134	VŨ DUY	BÌNH	15/12/1993	NAM	THÁI NGUYÊN	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
135	TÔ KHẮC	CHUNG	18/01/2000	NAM	THANH HÓA	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
136	NGÔ THỊ	CÚC	25/10/1990	NỮ	THANH HÓA	BS QUÂN Y	KINH	705 - 2.5 năm
137	HOÀNG THỊ	ĐỊNH	06/11/1978	NỮ	THANH HÓA	ĐH CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG	KINH	705 - 2.5 năm
138	ĐINH XUÂN	ĐOÀN	05/09/1997	NAM	THANH HÓA	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
139	ĐỖ QUANG	ĐỨC	14/01/2000	NAM	THANH HÓA	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
140	ĐÀO THỊ	DUNG	03/04/1998	NỮ	THANH HÓA	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
141	LÊ THỊ	DUNG	10/01/1991	NỮ	THANH HÓA	BS QUÂN Y	KINH	705 - 2.5 năm
142	NGUYỄN THỊ THÙY	DUNG	05/05/1989	NỮ	THANH HÓA	BS Y ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
143	PHẠM THANH	DUNG	03/07/1991	NỮ	THANH HÓA	BS Y ĐA KHOA	MƯỜNG	705 - 2.5 năm
144	LÊ THỊ	GẤM	01/10/1983	NỮ	THANH HÓA	BS ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
145	NGUYỄN THỊ	HÀ	08/04/1992	NỮ	THANH HÓA	ĐH ĐIỀU DƯỠNG	KINH	705 - 2.5 năm
146	TRẦN KIM	HÀ	08/04/1982	NAM	THANH HÓA	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
147	VŨ NGỌC	HÀ	21/09/1996	NỮ	THANH HÓA	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
148	LÊ THANH	HẢI	28/01/1999	NAM	THANH HÓA	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
149	LÊ THỊ MINH	HẰNG	06/08/1983	NỮ	THANH HÓA	BS ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
150	HOÀNG THỊ	HẠNH	17/08/1987	NỮ	THANH HÓA	BS ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
151	NGUYỄN THỊ	HẠNH	25/05/1993	NỮ	THANH HÓA	BS ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
152	NGUYỄN THỊ	HIỀN	06/11/1992	NỮ	BẮC NINH	BS ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
153	MAI THỊ	HIẾU	05/05/1982	NỮ	THANH HÓA	ĐH XÉT NGHIỆM	KINH	705 - 2.5 năm
154	TẠ THỊ	HOA	16/04/1987	NỮ	THANH HÓA	BS ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
155	PHẠM THU	HOÀI	11/04/1990	NỮ	THANH HÓA	BS Y HỌC CỔ TRUYỀN	KINH	705 - 2.5 năm

156	TRỊNH ĐÌNH	HOÀNG	14/11/1984	NAM	THANH HÓA	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
157	LÊ THANH	HUỆ	07/05/1999	NỮ	THANH HÓA	BS ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
158	MAI THỊ	HUỆ	09/03/1987	NỮ	THANH HÓA	BS ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
159	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	27/09/1984	NỮ	THANH HÓA	ĐH HÀNH CHÍNH HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
160	HỒ THỊ	HƯƠNG	20/03/1985	NỮ	THANH HÓA	BS ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
161	NGUYỄN THANH	HƯỜNG	06/12/1999	NỮ	THANH HÓA	BS ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
162	LÊ THIỆN	HỮU	18/08/1982	NAM	THANH HÓA	BS ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
163	BÙI QUANG	HUY	08/10/1999	NAM	THANH HÓA	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm
164	CAO KHÁNH	HUYỀN	19/09/2000	NỮ	THANH HÓA	BS Y KHOA	MƯỜNG	705 - 2.5 năm
165	LÊ THỊ THANH	HUYỀN	17/07/1999	NỮ	THANH HÓA	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
166	NGUYỄN NGỌC	HUYỀN	05/11/1998	NỮ	THANH HÓA	BS Y KHOA	MƯỜNG	705 - 2.5 năm
167	TÔ VĂN	HUỲNH	16/05/1995	NAM	THANH HÓA	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
168	NGUYỄN VĂN	KHÁNH	07/09/1993	NAM	THANH HÓA	KS KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN VÀ TĐH	KINH	705 - 2.5 năm
169	LÊ VĂN	KHIÊM	01/07/1987	NAM	THANH HÓA	BS ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
170	LÊ THỊ	KIM	10/06/1990	NỮ	THANH HÓA	BS Y HỌC CỔ TRUYỀN	KINH	705 - 2.5 năm
171	NGUYỄN HOÀNG	LÂM	04/12/1999	NAM	THANH HÓA	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
172	NGUYỄN THỊ	LAN	20/05/1987	NỮ	THANH HÓA	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm
173	NGUYỄN THỊ	LỆ	02/07/1999	NỮ	THANH HÓA	BS Y KHOA	MƯỜNG	705 - 2.5 năm
174	PHẠM THỊ	LỆ	24/04/1993	NỮ	THANH HÓA	BS Y KHOA	MƯỜNG	705 - 2.5 năm
175	MAI THỊ	LIÊN	23/01/1979	NỮ	THÁI BÌNH	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
176	ĐÀO HỒNG	LINH	04/12/1995	NỮ	THANH HÓA	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
177	HOÀNG NGỌC	LINH	07/12/1989	NAM	THANH HÓA	BS Y ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
178	LÊ THỊ PHƯƠNG	LINH	12/12/1989	NỮ	THANH HÓA	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm

179	LÊ THỊ THÙY	LINH	15/01/1998	NỮ	THANH HÓA	BS Y ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
180	NGUYỄN MAI	LINH	27/02/2000	NỮ	THANH HÓA	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
181	NGUYỄN MẠNH	LINH	08/09/1983	NAM	THANH HÓA	BS ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
182	LÊ THỊ	LOAN	18/08/1987	NỮ	THANH HÓA	BS ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
183	LÊ VĂN	LỘC	11/03/1998	NAM	THANH HÓA	KS KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN NƯỚC	KINH	705 - 2.5 năm
184	VI ĐỨC	LONG	31/01/2000	NAM	THANH HÓA	BS Y KHOA	THÁI	705 - 2.5 năm
185	TRỊNH THỊ MAI	LY	22/02/1997	NỮ	THANH HÓA	ĐH SP HÓA HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
186	PHẠM THỊ NGỌC	MAI	06/05/1994	NỮ	THANH HÓA	BS Y KHOA	MƯỜNG	705 - 2.5 năm
187	BÙI THỊ	MINH	10/01/2002	NỮ	THANH HÓA	ĐH SP HÓA HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
188	NGUYỄN XUÂN	MINH	19/10/1994	NAM	THANH HÓA	BS ĐA KHOA	MƯỜNG	705 - 2.5 năm
189	TRẦN ĐỨC	MINH	26/03/1990	NAM	THANH HÓA	BS Y HỌC DỰ PHÒNG	KINH	705 - 2.5 năm
190	MÃ THIÊN	NAM	21/08/2000	NAM	THANH HÓA	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
191	HOÀNG THỊ	NGỌ	27/03/1978	NỮ	THANH HÓA	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
192	LÊ THỊ	NGOAN	20/05/1998	NỮ	THANH HÓA	BS Y ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
193	TRỊNH THỊ	NGỌC	29/06/1982	NỮ	THANH HÓA	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
194	BÙI THỊ	PHƯƠNG	02/09/1995	NỮ	THANH HÓA	BS ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
195	PHẠM HÀ	PHƯƠNG	06/12/1999	NỮ	THANH HÓA	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
196	NGUYỄN THỊ	QUYÊN	29/10/1985	NỮ	THANH HÓA	BS ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
197	NGUYỄN XUÂN	SƠN	15/05/1995	NAM	THANH HÓA	ĐH XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CQNN	KINH	705 - 2.5 năm
198	LÊ VĂN	THẮNG	15/10/1996	NAM	THANH HÓA	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm
199	NGUYỄN VĂN	THẮNG	11/08/1985	NAM	HÀ NỘI	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm
200	VÕ PHƯƠNG	THẢO	29/10/1996	NỮ	THANH HÓA	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
201	LÊ ĐỨC	THƠ	11/07/1994	NAM	THANH HÓA	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm

202	TRƯƠNG THỊ	THƠM	13/06/1990	NỮ	THANH HÓA	BS Y ĐA KHOA	MƯỜNG	705 - 2.5 năm
203	NGUYỄN THỊ	THƯ	20/08/1991	NỮ	THANH HÓA	ĐH ĐIỀU DƯỠNG	KINH	705 - 2.5 năm
204	VI TRỌNG	THỨC	12/09/1989	NAM	THANH HÓA	BS ĐA KHOA	THÁI	705 - 2.5 năm
205	TRỊNH THỊ	THƯƠNG	25/03/1981	NỮ	THANH HÓA	ĐH TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm
206	TRƯƠNG THỊ	THÚY	04/11/1999	NỮ	THANH HÓA	BS ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
207	LÊ THU	THỦY	02/06/1994	NỮ	THANH HÓA	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm
208	THIỀU THỊ	THỦY	21/08/1991	NỮ	THANH HÓA	BS ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
209	HOÀNG VĂN	TIẾN	26/02/1996	NAM	THANH HÓA	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
210	ĐOÀN THU	TRANG	15/06/1993	NỮ	THANH HÓA	BS ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
211	ĐỒNG THỊ	TRANG	25/06/2000	NỮ	THANH HÓA	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
212	NGÔ THỊ	TRANG	20/06/1996	NỮ	THANH HÓA	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
213	NGUYỄN LINH	TRANG	10/11/2000	NỮ	THANH HÓA	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
214	PHẠM NGỌC	TRUNG	27/03/1983	NAM	THANH HÓA	BS ĐA KHOA	MƯỜNG	705 - 2.5 năm
215	NGUYỄN MINH	TRƯỜNG	28/07/2000	NAM	THANH HÓA	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
216	QUÁCH CẨM	TÚ	03/09/1992	NỮ	THANH HÓA	BS Y ĐA KHOA	MƯỜNG	705 - 2.5 năm
217	NGÂN MẠNH	TUẤN	13/11/1995	NAM	THANH HÓA	BS Y KHOA	THÁI	705 - 2.5 năm
218	MAI THANH	TÙNG	15/02/1983	NAM	THANH HÓA	BS ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
219	NGUYỄN THỊ	VÂN	15/08/2000	NỮ	THANH HÓA	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm
220	BÙI TẤN	VŨ	19/05/1995	NAM	THANH HÓA	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
221	LÊ THỊ	YẾN	06/10/1992	NỮ	THANH HÓA	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm

G08

222	NGUYỄN CHUNG	ANH	29/04/1998	NAM	NAM ĐỊNH	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
223	TRƯƠNG VĂN	BIÊN	01/02/1976	NAM	QUẢNG TRỊ	ĐH ĐỊA SINH	KINH	705 - 2.5 năm

224	HOÀNG ĐỨC	CHÍNH	04/05/2001	NAM	QUẢNG TRỊ	KS KHOA HỌC CÂY TRỒNG	KINH	705 - 2.5 năm
225	THỦY THỊ HỒ	DIỆU	10/09/1990	NỮ	QUẢNG NAM	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	KINH	705 - 2.5 năm
226	LÊ TRẦN HẢI	DUYÊN	24/10/1994	NỮ	NINH THUẬN	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	KINH	705 - 2.5 năm
227	NGUYỄN THỊ DIỆU	HÀ	04/06/1994	NỮ	BÌNH ĐỊNH	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	KINH	705 - 2.5 năm
228	LƯU THỊ	HẠNH	02/02/1982	NỮ	THANH HÓA	ĐH LỊCH SỬ VIỆT NAM	KINH	705 - 2.5 năm
229	PHẠM TRUNG	HIẾU	14/09/1991	NAM	ĐÀ NẴNG	KS CÔNG NGHỆ HÓA HỌC - DẦU KHÍ	KINH	705 - 2.5 năm
230	BÙI THỊ THIÊN	HƯƠNG	03/10/1990	NỮ	QUẢNG NAM	ĐH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	KINH	705 - 2.5 năm
231	LÊ THỊ	LÝ	22/06/1988	NỮ	THANH HÓA	ĐH THƯ VIÊN - THÔNG TIN	KINH	705 - 2.5 năm
232	PHẠM THỊ	MAI	21/07/1996	NỮ	BÀ RỊA - VŨNG TÀU	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm
233	NGUYỄN THỊ	MƠ	25/07/1985	NỮ	NAM ĐỊNH	ĐH SP TOÁN HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
234	ĐỖ HỮU TRỌNG	NGHĨA	07/01/1985	NAM	QUẢNG NAM	KS ĐIỆN TỬ - VIỄN THÔNG	KINH	705 - 2.5 năm
235	NGUYỄN THỊ THU	NGUYỆT	20/11/1991	NỮ	BÌNH ĐỊNH	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	KINH	705 - 2.5 năm
236	NGUYỄN THỊ	NHÂN	05/02/2002	NỮ	QUẢNG NAM	ĐH SP NGỮ VĂN	KINH	705 - 2.5 năm
237	LÊ THỊ TRẦN HỒNG	PHẤN	26/03/1997	NỮ	BÌNH ĐỊNH	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
238	HOÀNG THỊ TRANG	PHƯỢNG	20/10/1990	NỮ	CAO BẰNG	ĐH VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ VN	NÙNG	705 - 2.5 năm
239	VÕ NGUYỄN DẠ	THẢO	24/03/1992	NỮ	BÌNH ĐỊNH	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705 - 2.5 năm
240	NGUYỄN ANH	THI	31/03/2002	NỮ	ĐÀ NẴNG	ĐH SP NGỮ VĂN	KINH	705 - 2.5 năm
241	NGUYỄN THỊ HỒNG	THU	15/08/1996	NỮ	QUẢNG NAM	ĐH SP LỊCH SỬ	KINH	705 - 2.5 năm
242	NGUYỄN ĐỒNG ĐOAN	THỤC	21/09/1992	NỮ	HỒ CHÍ MINH	ĐH DƯỢC SĨ	KINH	705 - 2.5 năm
243	LƯƠNG QUỲNH	THƯ	07/02/1988	NỮ	BÌNH ĐỊNH	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm
244	ĐOÀN THỊ	TRIỀN	28/12/1991	NỮ	BÌNH ĐỊNH	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm
245	VŨ THỊ	TUÂN	05/11/1986	NỮ	HẢI DƯƠNG	ĐH QUẢN LÝ VĂN HÓA	KINH	705 - 2.5 năm

G06

246	HOÀNG THỊ LAN	ANH	09/06/1988	NỮ	QUẢNG TRỊ	ĐH SP TIN HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
247	TRƯƠNG THỊ HẢI	ANH	17/04/1998	NỮ	NGHỆ AN	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
248	PHAN THỊ THÙY	DUNG	12/10/1990	NỮ	QUẢNG TRỊ	ĐH SP NGỮ VĂN	KINH	705 - 2.5 năm
249	NGUYỄN NGỌC	DŨNG	12/06/2002	NAM	QUẢNG TRỊ	ĐH CÔNG NGHỆ SINH HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
250	NGÔ TRẦN NHẬT	HIẾU	08/10/2000	NAM	THỪA THIÊN HUẾ	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
251	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	HOA	20/12/1993	NỮ	HÀ TĨNH	ĐH GIÁO DỤC MẦM NON	KINH	705 - 2.5 năm
252	LÊ THỊ KHÁNH	HUYỀN	11/01/1995	NỮ	THỪA THIÊN HUẾ	BS RĂNG - HÀM - MẶT	KINH	705 - 2.5 năm
253	NGUYỄN KHẮC	HÙNG	06/01/1980	NAM	HÀ TĨNH	ĐH LUẬT HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
254	TRẦN THỊ HOÀI	HƯƠNG	24/11/1995	NỮ	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH SP VẬT LÝ	KINH	705 - 2.5 năm
255	ĐẶNG HỮU	KHÔI	20/04/2002	NAM	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH QUẢN TRỊ DV DU LỊCH VÀ LH	KINH	705 - 2.5 năm
256	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	04/04/2001	NAM	HÀ TĨNH	ĐH LUẬT KINH TẾ	KINH	705 - 2.5 năm
257	CAO THỊ PHƯƠNG	LAN	17/08/1989	NỮ	QUẢNG TRỊ	ĐH TIN HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
258	TRẦN THỊ MỸ	LỆ	25/01/1987	NỮ	QUẢNG TRỊ	ĐH SP TOÁN HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
259	BÙI THẾ	LỰC	20/05/1985	NAM	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH GIÁO VIÊN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH	MƯỜNG	705 - 2.5 năm
260	ĐẶNG KHÁNH	LY	18/12/1988	NỮ	BÌNH ĐỊNH	BS Y ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
261	LÊ CÔNG	MINH	05/09/1984	NAM	THÀNH PHỐ HUẾ	ĐH SP ĐỊA LÝ	KINH	705 - 2.5 năm
262	NGUYỄN THỊ NI	NA	13/09/1982	NỮ	QUẢNG TRỊ	ĐH LỊCH SỬ	KINH	705 - 2.5 năm
263	HOÀNG VIỆT HẠNH	NGUYÊN	17/11/1991	NỮ	QUẢNG BÌNH	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705 - 2.5 năm
264	NGUYỄN HỮU	PHÚC	25/09/1993	NAM	THÀNH PHỐ HUẾ	ĐH SP LỊCH SỬ	KINH	705 - 2.5 năm

265	PHẠM THỊ KIM	PHỤNG	10/06/1998	NỮ	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH KINH TẾ	KINH	705 - 2.5 năm
266	LÊ THỊ PHƯƠNG	THẢO	18/03/1989	NỮ	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705 - 2.5 năm
267	PHẠM ĐỨC	THẠNH	11/08/1981	NAM	QUẢNG BÌNH	ĐH SP THỂ CHẤT - GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG	KINH	705 - 2.5 năm
268	PHẠM THỊ BÍCH	THUẬN	18/02/1992	NỮ	TP HUẾ	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm

G28

269	BÙI VĨNH	AN	07/05/1992	NAM	PHÚ THỌ	BS Y HỌC CỔ TRUYỀN	KINH	705 - 2.5 năm
270	GIÁP HOÀI THẾ	ANH	26/08/1998	NAM	BẮC GIANG	ĐH GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH	KINH	705 - 2.5 năm
271	HÀ TIẾN	ANH	25/11/1996	NAM	BẮC GIANG	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
272	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	24/10/1999	NỮ	PHÚ THỌ	ĐH GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ	KINH	705 - 2.5 năm
273	PHAN QUỲNH	ANH	13/08/2000	NỮ	NGHỆ AN	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
274	TRẦN NGỌC	ANH	01/05/1995	NỮ	HÀ NỘI	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm
275	BÙI VĂN	BẠN	04/08/1986	NAM	THÁI BÌNH	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
276	NGUYỄN THỊ	BÌNH	19/09/1995	NỮ	THÁI BÌNH	ĐH ĐIỀU DƯỠNG	KINH	705 - 2.5 năm
277	NGUYỄN THỊ	CẢNH	05/08/2000	NỮ	VĨNH PHÚC	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
278	ĐINH HỒNG	CHÂU	21/11/1990	NAM	PHÚ THỌ	ĐH KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC	MƯỜNG	705 - 2.5 năm
279	CHU THIÊN	CƯỜNG	28/05/2000	NAM	HÀ NỘI	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
280	NGUYỄN VIỆT	DŨNG	12/06/1984	NAM	HÀ NỘI	BS ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
281	PHẠM TIẾN	DŨNG	14/05/1989	NAM	NINH BÌNH	KS LÂM HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
282	PHẠM THÙY	DƯƠNG	12/05/1992	NỮ	HẢI DƯƠNG	BS ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
283	VŨ MINH	ĐỨC	17/06/1994	NAM	BẮC KẠN	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
284	CAO HOÀNG	HÀ	02/10/2001	NỮ	PHÚ THỌ	ĐH XÃ HỘI HỌC	KINH	705 - 2.5 năm

285	HOÀNG THU	HÀ	04/01/1996	NỮ	CAO BẰNG	BS Y KHOA	TÀY	705 - 2.5 năm
286	HỒ THỊ NGỌC	HÀ	17/12/1991	NỮ	QUẢNG TRỊ	ĐH BIỂU DIỄN NHẠC CỤ PHƯƠNG TÂY	VÂN KIỀU	705 - 2.5 năm
287	PHAN THỊ	HÀ	17/08/1995	NỮ	HÒA BÌNH	BS Y KHOA	MƯỜNG	705 - 2.5 năm
288	TRẦN THỊ NGỌC	HÀ	12/06/1999	NỮ	HẢI DƯƠNG	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
289	PHẠM THỊ	HẢO	12/03/1998	NỮ	NAM ĐỊNH	ĐH Y TẾ CÔNG CỘNG	KINH	705 - 2.5 năm
290	TRẦN THỊ	HẰNG	08/04/1985	NỮ	THÁI BÌNH	ĐH ĐIỀU DƯỠNG	KINH	705 - 2.5 năm
291	PHẠM THỊ	HẬU	08/03/1991	NỮ	HẢI DƯƠNG	BS QUÂN Y	KINH	705 - 2.5 năm
292	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	07/08/1997	NỮ	LẠNG SƠN	BS Y KHOA	TÀY	705 - 2.5 năm
293	PHẠM THỊ THU	HIỀN	15/09/1985	NỮ	HẢI DƯƠNG	ĐH ĐIỀU DƯỠNG	KINH	705 - 2.5 năm
294	TRẦN THỊ	HIỀN	05/03/1999	NỮ	HÀ NỘI	ĐH THANH NHẠC	KINH	705 - 2.5 năm
295	HÀ THỊ	HIẾU	02/03/1992	NỮ	THANH HÓA	BS Y KHOA	THÁI	705 - 2.5 năm
296	LÊ THỊ THANH	HOA	29/07/1988	NỮ	HÀ NỘI	ĐH KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	KINH	705 - 2.5 năm
297	NGUYỄN THỊ MINH	HOA	29/11/1996	NỮ	HẢI PHÒNG	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
298	TRƯƠNG THỊ NGỌC	HOA	25/03/1987	NỮ	CAO BẰNG	ĐH SP NGỮ VĂN	KINH	705 - 2.5 năm
299	NGUYỄN VĂN	HÙNG	13/11/1984	NAM	BẮC GIANG	KS CƠ KHÍ	KINH	705 - 2.5 năm
300	PHẠM LÊ	HÙNG	21/01/1992	NAM	HÀ NAM	ĐH KINH TẾ	KINH	705 - 2.5 năm
301	VŨ DUY	HÙNG	17/09/1996	NAM	THÁI BÌNH	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
302	PHẠM THỊ	LAN	12/09/2000	NỮ	SƠN LA	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
303	ĐÀO THỊ	LANH	06/11/1987	NỮ	NAM ĐỊNH	ĐH HÀNH CHÍNH HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
304	NGUYỄN THỊ QUỲNH	LÂM	11/08/2000	NỮ	VĨNH PHÚC	ĐH TÂM LÝ HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
305	NGUYỄN THỊ	LÊ	04/12/1994	NỮ	THANH HÓA	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
306	TRẦN THỊ	LIÊN	20/02/1986	NỮ	THANH HÓA	ĐH TÂM LÝ - GIÁO DỤC	KINH	705 - 2.5 năm

307	DOÃN THỊ THÙY	LINH	04/07/2002	NỮ	HÀ NỘI	ĐH ĐIỀU DƯỠNG	KINH	705 - 2.5 năm
308	ĐỖ TÚ	LINH	23/06/2001	NỮ	HÀ TÂY	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
309	HOÀNG THỊ	LINH	01/05/1993	NỮ	NAM ĐỊNH	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
310	LÒ THÙY	LINH	11/06/1993	NỮ	SƠN LA	BS Y KHOA	THÁI	705 - 2.5 năm
311	NGUYỄN DIỆU	LINH	21/11/1990	NỮ	YÊN BÁI	ĐH BIỂU DIỄN NHẠC CỤ PHƯƠNG TÂY	KINH	705 - 2.5 năm
312	NGUYỄN TUẤN	LONG	17/06/1985	NAM	THỪA THIÊN HUẾ	BS ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
313	HOÀNG THẾ	LỘC	22/11/1995	NAM	NINH BÌNH	ĐH THANH NHẠC	KINH	705 - 2.5 năm
314	TRẦN MẠNH	LỰC	27/02/1985	NAM	NGHỆ AN	ĐH LUẬT HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
315	NGÔ THỊ HỒNG	MINH	29/07/1997	NỮ	HÀ NAM	ĐH QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	KINH	705 - 2.5 năm
316	NGUYỄN THỊ	MƠ	26/11/1986	NỮ	HÀ TĨNH	KS KINH TẾ XÂY DỰNG	KINH	705 - 2.5 năm
317	ĐINH THỊ	MỪNG	20/10/1990	NỮ	NINH BÌNH	BS ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
318	KIỀU THÚY	NGÂN	05/11/1990	NỮ	PHÚ THỌ	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
319	NGUYỄN THỊ	NGOÃN	12/08/1989	NỮ	NAM ĐỊNH	ĐH TÂM LÝ HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
320	ĐỖ THỊ THANH	NHÀN	29/04/1976	NỮ	THANH HÓA	ĐH LÝ LUẬN ÂM NHẠC	KINH	705 - 2.5 năm
321	LÊ THỊ	NHÀN	12/07/1996	NỮ	NGHỆ AN	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
322	NGUYỄN THỊ THÙY	NINH	17/10/1990	NỮ	HẢI PHÒNG	BS QUÂN Y	KINH	705 - 2.5 năm
323	LÊ THỊ KIỀU	OANH	02/05/1991	NỮ	LẠNG SƠN	ĐH HÀNH CHÍNH HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
324	NGUYỄN HOÀNG	OANH	04/07/1995	NỮ	NAM ĐỊNH	ĐH CÔNG TÁC XÃ HỘI	KINH	705 - 2.5 năm
325	ĐINH THỊ	PHƯƠNG	04/06/1993	NỮ	NINH BÌNH	BS Y ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
326	PHẠM THỊ	PHƯƠNG	11/08/1994	NỮ	NINH BÌNH	ĐH TÂM LÝ HỌC GIÁO DỤC	KINH	705 - 2.5 năm
327	TRẦN LAN	PHƯƠNG	19/02/1988	NỮ	HÀ NỘI	ĐH KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	KINH	705 - 2.5 năm
328	VŨ VĂN	QUẢNG	01/01/1992	NAM	LAI CHÂU	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm

329	PHAN THỊ	QUYÊN	06/04/1995	NỮ	HẢI DƯƠNG	ĐH CÔNG TÁC XÃ HỘI	KINH	705 - 2.5 năm
330	VŨ THỊ	QUYÊN	05/02/1994	NỮ	NAM ĐỊNH	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
331	BÙI THỊ THU	QUỲNH	25/11/1985	NỮ	SƠN LA	BS Y ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
332	TRƯƠNG THÚY	QUỲNH	30/08/2000	NỮ	LẠNG SƠN	BS Y KHOA	TÀY	705 - 2.5 năm
333	NGUYỄN THỊ	RỢP	22/11/1994	NỮ	HẢI DƯƠNG	ĐH KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	KINH	705 - 2.5 năm
334	TRỊNH THỊ	SEN	01/04/1995	NỮ	NAM ĐỊNH	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
335	NGUYỄN PHÚ	SỸ	15/07/1985	NAM	BẮC NINH	ĐH KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	KINH	705 - 2.5 năm
336	PHAN MẠNH	TÀI	21/06/1991	NAM	NGHỆ AN	ĐH HẬU CẦN	KINH	705 - 2.5 năm
337	NGUYỄN THỊ HỒNG	TÂM	05/02/1992	NỮ	HÀ NỘI	BS ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
338	BÙI THỊ PHƯƠNG	THẢO	15/02/1990	NỮ	HÀ NỘI	ĐH ĐIỀU DƯỠNG	KINH	705 - 2.5 năm
339	LÊ THẠCH	THẢO	10/12/1996	NỮ	HƯNG YÊN	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
340	TRƯƠNG THỊ	THIỆN	25/03/1998	NỮ	THANH HÓA	BS Y KHOA	MƯỜNG	705 - 2.5 năm
341	PHAN THỊ	THOÁN	02/08/1992	NỮ	HẢI PHÒNG	BS ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
342	CAO THỊ	THƠ	28/08/1981	NỮ	HÀ NỘI	BS ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
343	LÒ THỊ	THU	06/02/2000	NỮ	ĐIỆN BIÊN	ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	THÁI	705 - 2.5 năm
344	NGUYỄN THỊ KIM	THU	31/03/1998	NỮ	NAM ĐỊNH	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
345	NGUYỄN THU	THỦY	25/09/2000	NỮ	BẮC NINH	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
346	LÊ THỊ	THƯ	28/09/1998	NỮ	THANH HÓA	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
347	NGUYỄN THỊ HOÀI	THƯƠNG	13/03/1993	NỮ	NAM ĐỊNH	BS ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
348	ĐINH VĂN	TÍCH	22/10/1983	NAM	HÀ NỘI	BS Y ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
349	PHẠM THỊ HỒNG	TÍNH	23/10/1994	NỮ	THÁI BÌNH	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
350	BÙI THỊ	TRANG	27/08/1998	NỮ	NAM ĐỊNH	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
351	HOÀNG THU	TRANG	30/07/1999	NỮ	HÀ NỘI	BS Y KHOA	NÙNG	705 - 2.5 năm

352	PHAN THỊ	TRANG	12/10/1987	NỮ	BẮC NINH	ĐH QUẢN LÝ GIÁO DỤC	KINH	705 - 2.5 năm
353	THÁI THỊ THU	TRANG	20/08/1999	NỮ	GIA LAI	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
354	NGUYỄN VĂN	TUẤN	22/08/1989	NAM	THANH HÓA	KS QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	KINH	705 - 2.5 năm
355	NGUYỄN THANH	TÙNG	14/07/1984	NAM	SƠN LA	ĐH HỆ THỐNG ĐIỆN	KINH	705 - 2.5 năm
356	NGUYỄN THANH	TÙNG	27/10/1997	NAM	NAM ĐỊNH	BS Y ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
357	VŨ TUẤN	TÚ	02/12/1991	NAM	HÀ NỘI	KS QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	KINH	705 - 2.5 năm
358	TRƯƠNG THỊ KHÁNH	VÂN	12/01/1998	NỮ	NGHỆ AN	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
359	LÊ NGỌC	VƯƠNG	14/02/1999	NAM	THANH HÓA	BS ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
360	NGUYỄN KHÁNH	XUÂN	17/06/1983	NỮ	HÀ GIANG	ĐH CÔNG TÁC XÃ HỘI	KINH	705 - 2.5 năm

G16

361	NGÔ QUANG	HOÀNG	22/10/1991	NAM	NGHỆ AN	ĐH KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	KINH	705 - 2.5 năm

Danh sách này có: 400 sinh viên

CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ

Trần Công Tín

CÁN BỘ KIỂM TRA

Võ Đình Lâm

PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN ĐÀO TẠO MỞ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN – ĐẠI HỌC HUẾ

Nguyễn Hoàng Sơn

ĐẠI HỌC HUẾ
VIỆN ĐÀO TẠO MỞ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2025
TẠI TRƯỜNG CĐ CÔNG THƯƠNG TP. HCM - CƠ SỞ QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Quyết định số 946 /QĐ-VĐTMCNTT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế)

STT	Họ tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Văn bằng nhập học	Dân tộc	Ngành - CTĐT
NGÀNH LUẬT - NHẬP HỌC: 03/03/2025								
THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 2.5 năm								
1	TRƯƠNG THỊ	DIỄM	20/02/1988	NỮ	QUẢNG NGÃI	ĐH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	KINH	503 - 2.5 năm
2	TRẦN QUỐC	ĐẠT	20/06/1980	NAM	QUẢNG NGÃI	ĐH KẾ TOÁN	KINH	503 - 2.5 năm
3	HUỲNH THỊ BÍCH	NGỌC	01/01/1987	NỮ	BÌNH ĐỊNH	ĐH KẾ TOÁN	KINH	503 - 2.5 năm
NGÀNH LUẬT - NHẬP HỌC: 03/03/2025								
THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 3 năm								
1	TRƯƠNG HỒNG	ĐOÀN	17/10/1984	NAM	QUẢNG NGÃI	TH PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY, THPT	KINH	503 - 3 năm

Danh sách này có: 4 sinh viên

CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ

Trần Công Tín

CÁN BỘ KIỂM TRA

Võ Đình Lâm

PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN ĐÀO TẠO MỞ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Nguyễn Hoàng Sơn

ĐẠI HỌC HUẾ
VIỆN ĐÀO TẠO MỞ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2025
TẠI TRUNG TÂM GDTX SỐ 3 TP. ĐÀ NẴNG

(Kèm theo Quyết định số 946 /QĐ-VĐTMCNTT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế)

STT	Họ tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Văn bằng nhập học	Dân tộc	Ngành - CTĐT
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - NHẬP HỌC: 03/03/2025								
THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 2.5 năm								
1	HUỲNH BÁ	BÁCH	20/09/1995	NAM	ĐÀ NẴNG	ĐH KINH TẾ	KINH	705 - 2.5 năm
2	TRẦN NHẬT	HUYỀN	18/12/2000	NỮ	HÀ TĨNH	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
3	NGUYỄN THỊ THU	LÝ	06/01/2000	NỮ	GIA LAI	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
4	PHẠM THỊ DIỄM	NGÂN	19/12/2002	NỮ	ĐÀ NẴNG	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
5	ĐOÀN NGỌC	NHÂN	07/10/1999	NAM	ĐÀ NẴNG	ĐH SP TIN HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
6	LÊ VŨ QUỲNH	NHI	15/08/2002	NỮ	ĐÀ NẴNG	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
7	NGUYỄN THỊ ĐOAN	TRANG	27/04/1979	NỮ	QUẢNG NAM	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
8	NGUYỄN THỊ THANH	VÂN	01/01/1984	NỮ	QUẢNG NAM	ĐH SP TOÁN TIN	KINH	705 - 2.5 năm
9	LÊ NGUYỄN NHÃ	VY	14/02/2002	NỮ	QUẢNG NAM	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm

Danh sách này có: 9 sinh viên

CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ

Nguyễn Thị Thu Hiền

CÁN BỘ KIỂM TRA

Võ Đình Lâm

PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN ĐÀO TẠO MỞ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Nguyễn Hoàng Sơn

ĐẠI HỌC HUẾ
VIỆN ĐÀO TẠO MỞ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2025
TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM CƠ SỞ ĐẮK LẮK

(Kèm theo Quyết định số 946 /QĐ-VĐTMCNTT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế)

STT	Họ tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Văn bằng nhập học	Dân tộc	Ngành - CTĐT
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - NHẬP HỌC: 03/03/2025								
THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 2.5 năm								
1	ĐỖ THỊ PHÚ	AN	28/08/1984	NỮ	ĐẮK LẮK	KS CÔNG NGHỆ HÓA HỌC VÀ THỰC PHẨM	KINH	705 - 2.5 năm
2	NÔNG VĂN	HOAN	24/06/1991	NAM	ĐẮK LẮK	BÁC SĨ Y ĐA KHOA	NÙNG	705 - 2.5 năm
3	VŨ QUANG	HUY	06/06/2001	NAM	ĐẮK LẮK	ĐH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	KINH	705 - 2.5 năm
4	H TA RI NA	KBUÔR	01/06/1991	NỮ	ĐĂK LĂK	BÁC SĨ Y ĐA KHOA	Ê ĐÊ	705 - 2.5 năm
5	NGUYỄN THỊ QUỲNH	NGÂN	14/05/1990	NỮ	ĐẮK LẮK	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	KINH	705 - 2.5 năm
6	TRỊNH THỊ	NHẪN	16/02/1987	NỮ	NAM ĐỊNH	ĐH ĐIỀU DƯỠNG	KINH	705 - 2.5 năm
7	ĐỖ MAI	THẢO	21/08/1987	NỮ	LẠNG SƠN	BÁC SĨ	NÙNG	705 - 2.5 năm
8	VI THỊ	THẮNG	04/02/1989	NỮ	BẮC GIANG	BÁC SĨ	CAO LAN	705 - 2.5 năm
9	TRẦN THỊ CẨM	VÂN	30/03/1988	NỮ	BÌNH ĐỊNH	DƯỢC SỸ	KINH	705 - 2.5 năm
10	TRƯƠNG THANH	VÂN	21/09/2002	NỮ	KON TUM	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm

Danh sách này có: 10 sinh viên

CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ	CÁN BỘ KIỂM TRA	PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT	VIỆN TRƯỞNG
Nguyễn Thị Thu Hiền	Võ Đình Lâm		Nguyễn Hoàng Sơn

VIỆN ĐÀO TẠO MỞ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN – ĐẠI HỌC HUẾ

ĐẠI HỌC HUẾ
VIỆN ĐÀO TẠO MỞ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2025
TẠI TRƯỜNG CĐ CỘNG ĐỒNG ĐẮK NÔNG

(Kèm theo Quyết định số 946 /QĐ-VĐTMCNTT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế)

STT	Họ tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Văn bằng nhập học	Dân tộc	Ngành - CTĐT
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - NHẬP HỌC: 03/03/2025 **THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 2.5 năm**								
1	ĐOÀN THỊ	HỒNG	12/09/1985	NỮ	THANH HOÁ	ĐH QUAN HỆ QUỐC TẾ	KINH	705 - 2.5 năm
2	MAI THỊ HỒNG	NHUNG	02/02/2001	NỮ	ĐẮK LẮK	ĐH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	KINH	705 - 2.5 năm
3	NGUYỄN THỊ	THẢO	24/04/2001	NỮ	ĐẮK NÔNG	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm
4	BÙI VĂN	TIÊN	25/01/2002	NAM	ĐẮK NÔNG	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm
5	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	25/11/1977	NỮ	QUẢNG NGÃI	ĐH KINH TẾ	KINH	705 - 2.5 năm

Danh sách này có: 5 sinh viên

CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ	CÁN BỘ KIỂM TRA	PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT	VIỆN TRƯỞNG
Nguyễn Thị Thu Hiền	Võ Đình Lâm		Nguyễn Hoàng Sơn

VIỆN ĐÀO TẠO MỞ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐẠI HỌC HUẾ
VIỆN ĐÀO TẠO MỞ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2025
TẠI TRUNG TÂM GDTX TỈNH PHÚ YÊN

(Kèm theo Quyết định số 946 /QĐ-VĐTMCNTT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế)

STT	Họ tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Văn bằng nhập học	Dân tộc	Ngành - CTĐT
NGÀNH LUẬT - NHẬP HỌC: 03/03/2025								
THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 2.5 năm								
1	LÊ NGỌC ĐỨC	ANH	02/03/2003	NAM	PHÚ YÊN	ĐH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	KINH	503 - 2.5 năm
2	NGUYỄN THỊ	ÁI	03/02/1982	NỮ	PHÚ YÊN	ĐH TRIẾT HỌC	KINH	503 - 2.5 năm
3	HỒ VĂN	VÕ	20/07/1987	NAM	KHÁNH HÒA	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	KINH	503 - 2.5 năm
NGÀNH LUẬT - NHẬP HỌC: 03/03/2025								
THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 3 năm								
1	BÙI LÊ QUANG	CHÁNH	15/08/1988	NAM	PHÚ YÊN	TC NGHỀ KIỂM TRA AN NINH HÀNG KHÔNG + THPT	KINH	503 - 3 năm
2	BÙI ĐỨC	TRUNG	26/02/1983	NAM	PHÚ YÊN	TC LUẬT + THPT	KINH	503 - 3 năm
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - NHẬP HỌC: 03/03/2025								
THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 2.5 năm								
1	PHẠM LÊ THIÊN	ÂN	18/09/2002	NỮ	PHÚ YÊN	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
2	TRẦN THỊ NGỌC	ÂN	20/09/1991	NỮ	PHÚ YÊN	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
3	ĐINH THỊ	CHÍ	27/06/2001	NỮ	BÌNH ĐỊNH	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	BA-NA	705 - 2.5 năm
4	HÀ THỊ LỆ	DUNG	12/05/1992	NỮ	PHÚ YÊN	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
5	NGUYỄN QUANG	GIÁO	08/10/1973	NAM	PHÚ YÊN	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705 - 2.5 năm
6	HUỲNH CẨM	HÀ	29/05/1995	NỮ	PHÚ YÊN	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
7	NGUYỄN THỊ ÚT	HẬU	20/09/1991	NỮ	PHÚ YÊN	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
8	NGUYỄN HOÀNG	LINH	07/01/2001	NỮ	BÌNH ĐỊNH	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
9	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	17/05/2000	NỮ	ĐẮK LẮK	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
10	VÕ PHẠM BÁ	LINH	01/06/1982	NAM	KHÁNH HÒA	ĐH BỘ BINH	KINH	705 - 2.5 năm
11	TRẦN THỊ YẾN	LY	15/10/2001	NỮ	PHÚ YÊN	ĐH GIÁO DỤC MẦM NON	KINH	705 - 2.5 năm
12	NGUYỄN THỊ TUYẾT	MAI	04/04/2001	NỮ	PHÚ YÊN	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
13	VÕ THỊ CẨM	MỸ	19/09/1998	NỮ	PHÚ YÊN	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm

14	TRẦN THỊ THU	NGUYỆT	09/10/1987	NỮ	PHÚ YÊN	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	KINH	705 - 2.5 năm
15	LÊ THỊ MỸ	NHI	20/01/2001	NỮ	BÌNH ĐỊNH	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
16	MẠC UYÊN	NHI	24/04/2000	NỮ	BÌNH ĐỊNH	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
17	PHAN THỊ QUỲNH	NHI	28/11/2001	NỮ	BÌNH ĐỊNH	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
18	LÊ THỊ	NỮ	01/03/1995	NỮ	PHÚ YÊN	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
19	NGUYỄN THANH	SƠN	12/09/2000	NAM	PHÚ YÊN	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705 - 2.5 năm
20	VÕ ĐỨC VŨ	TÀI	21/08/1997	NAM	PHÚ YÊN	ĐH LUẬT KINH TẾ	KINH	705 - 2.5 năm
21	NGUYỄN THIỆN	TRANG	30/06/2001	NỮ	PHÚ YÊN	ĐH GIÁO DỤC MẦM NON	KINH	705 - 2.5 năm
22	PHẠM THỊ THANH	TRANG	12/03/1986	NỮ	PHÚ YÊN	ĐH DƯỢC SĨ	KINH	705 - 2.5 năm
23	NGÔ PHẠM TRƯỜNG	VI	22/03/2001	NỮ	PHÚ YÊN	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm

Danh sách này có: 28 sinh viên

CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ

Nguyễn Thị Thu Hiền

CÁN BỘ KIỂM TRA

Võ Đình Lâm

PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT

VIỆN TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
VIỆN ĐÀO TẠO MỞ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
ĐẠI HỌC HUẾ

Nguyễn Hoàng Sơn

ĐẠI HỌC HUẾ
VIỆN ĐÀO TẠO MỞ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

15

DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2025
TẠI TRUNG TÂM GDTX - TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định số 946 /QĐ-VĐTMCNTT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế)

STT	Họ tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Văn bằng nhập học	Dân tộc	Ngành - CTĐT
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - NHẬP HỌC: 03/03/2025								
THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 2.5 năm								
1	NGUYỄN THỊ THANH	AN	12/10/1988	NỮ	BÌNH ĐỊNH	ĐH QUAN HỆ QUỐC TẾ	KINH	705 - 2.5 năm
2	NGUYỄN YÊN	BÌNH	30/08/1980	NAM	BÌNH ĐỊNH	ĐH ĐIỆN TỬ	KINH	705 - 2.5 năm
3	NGÔ THỊ KIM	CHI	10/02/1993	NỮ	BÌNH ĐỊNH	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705 - 2.5 năm
4	HUỲNH THỊ MAI	DIỄM	01/12/2002	NỮ	BÌNH ĐỊNH	ĐH SP VẬT LÝ	KINH	705 - 2.5 năm
5	NGÔ THANH	DUY	07/09/1995	NAM	BÌNH ĐỊNH	KS CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	KINH	705 - 2.5 năm
6	VŨ THANH	DƯƠNG	04/09/1993	NAM	THANH HÓA	ĐH KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
7	LÝ XUÂN	ĐÍNH	26/10/1992	NAM	BÌNH ĐỊNH	KS KỸ THUẬT CƠ KHÍ	KINH	705 - 2.5 năm
8	VŨ THỊ	HÀ	05/08/1988	NỮ	THANH HÓA	ĐH KỸ THUẬT Y HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
9	ĐOÀN THỊ NHẬT	HẰNG	20/10/1986	NỮ	BÌNH ĐỊNH	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm
10	PHAN THỊ THANH	HẬU	16/04/1988	NỮ	BÌNH ĐỊNH	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm
11	LÊ THỊ MINH	HIỀN	01/06/1986	NỮ	BÌNH ĐỊNH	ĐH ĐIỀU DƯỠNG	KINH	705 - 2.5 năm
12	NGUYỄN THÁI	HÒA	30/07/1983	NAM	BÌNH ĐỊNH	ĐH KỸ THUẬT Y HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
13	HUỲNH NGUYỄN QUANG	HUY	24/03/1999	NAM	BÌNH ĐỊNH	ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	KINH	705 - 2.5 năm
14	LÊ PHAN PHÚC	HƯNG	16/02/1997	NỮ	BÌNH ĐỊNH	BÁC SĨ Y ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
15	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	02/11/1989	NAM	BÌNH ĐỊNH	KỸ SƯ CƠ KHÍ ĐỘNG LỰC	KINH	705 - 2.5 năm
16	NGUYỄN ANH	KỲ	13/03/1989	NAM	BÌNH ĐỊNH	KS KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ, TRUYỀN THÔNG	KINH	705 - 2.5 năm
17	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	08/05/2000	NỮ	BÌNH ĐỊNH	ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	KINH	705 - 2.5 năm
18	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	02/04/1994	NỮ	BÌNH ĐỊNH	ĐH KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
19	NGUYỄN THANH	PHONG	13/03/1995	NAM	BÌNH ĐỊNH	KS CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ, TRUYỀN THÔNG	KINH	705 - 2.5 năm
20	TRẦN TUẤN	PHONG	01/07/1995	NAM	BÌNH ĐỊNH	KS CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ, TRUYỀN THÔNG	KINH	705 - 2.5 năm
21	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯỢNG	27/04/1994	NỮ	BÌNH ĐỊNH	ĐH KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
22	NGUYỄN THỊ LINH	QUYÊN	08/03/1999	NỮ	BÌNH ĐỊNH	ĐH DƯỢC	KINH	705 - 2.5 năm

VIỆN ĐÀO TẠO VÀ CÔNG THÔNG

44

23	NGUYỄN VĂN	SINH	12/06/1990	NAM	BÌNH ĐỊNH	KỸ SƯ KỸ SƯ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG	KINH	705 - 2.5 năm
24	LÊ VĂN	TÂN	01/05/1986	NAM	BÌNH ĐỊNH	KS KỸ THUẬT CƠ KHÍ	KINH	705 - 2.5 năm
25	NGUYỄN QUANG	THẮNG	30/09/2001	NAM	BÌNH ĐỊNH	ĐH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	KINH	705 - 2.5 năm
26	PHAN NGỌC	THỊNH	09/09/1999	NAM	BÌNH ĐỊNH	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
27	TRẦN ĐẶNG MINH	THOA	07/12/2001	NỮ	BÌNH ĐỊNH	ĐH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH & LỮ HÀNH	KINH	705 - 2.5 năm
28	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRÂM	12/09/1986	NỮ	ĐĂK LĂK	ĐH KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC	KINH	705 - 2.5 năm

Danh sách này có: 28 sinh viên

CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ

Nguyễn Thị Thu Hiền

CÁN BỘ KIỂM TRA

Võ Đình Lâm

PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN ĐÀO TẠO MỞ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Nguyễn Hoàng Sơn

ĐẠI HỌC HUẾ
VIỆN ĐÀO TẠO MỞ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2025
TẠI TRUNG TÂM GDTX - TỈNH NINH THUẬN

(Kèm theo Quyết định số 946 /QĐ-VĐTMCNTT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế)

STT	Họ tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Văn bằng nhập học	Dân tộc	Ngành - CTĐT
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - NHẬP HỌC: 03/03/2025								
THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 2.5 năm								
1	NGUYỄN THU	HUYỀN	31/10/1999	NỮ	NINH THUẬN	KS CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM	KINH	705 - 2.5 năm
2	TRẦN THỊ BÍCH	LOAN	04/10/1991	NỮ	NINH THUẬN	ĐH SP TIN HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
3	VÕ THỊ KIM	LOAN	13/12/1992	NỮ	NINH THUẬN	ĐH LUẬT HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
4	HUỲNH THỊ THÙY	NHUNG	24/07/2000	NỮ	NINH THUẬN	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705 - 2.5 năm
5	TRẦN MAI	QUYÊN	25/03/2000	NỮ	NINH THUẬN	ĐH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	KINH	705 - 2.5 năm
6	LÊ THỊ ÚT	THÙY	19/10/1987	NỮ	NINH THUẬN	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm
7	TRẦN DẠ	VŨ	03/07/1994	NỮ	NINH THUẬN	KS QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	KINH	705 - 2.5 năm

Danh sách này có: 7 sinh viên

CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ

Nguyễn Thị Thu Hiền

CÁN BỘ KIỂM TRA

Võ Đình Lâm

PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN ĐÀO TẠO MỞ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Nguyễn Hoàng Sơn

ĐẠI HỌC HUẾ
VIỆN ĐÀO TẠO MỞ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2025
TẠI TRUNG TÂM GDTX TỈNH KHÁNH HÒA

(Kèm theo Quyết định số 946 /QĐ-VĐTMCNTT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế)

STT	Họ tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Văn bằng nhập học	Dân tộc	Ngành - CTĐT
NGÀNH LUẬT - NHẬP HỌC: 03/03/2025								
THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 2.5 năm								
1	PHAN HỒNG	ANH	18/07/2001	NỮ	KHÁNH HÒA	ĐH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DL VÀ LH	KINH	503 - 2.5 năm
2	TRẦN VÕ KHẢI	ANH	06/08/1984	NỮ	KHÁNH HÒA	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	503 - 2.5 năm
3	TRẦN CÔNG	DANH	17/01/1989	NAM	KHÁNH HÒA	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	KINH	503 - 2.5 năm
4	NGUYỄN NGỌC THANH	DUNG	10/01/1997	NỮ	KHÁNH HÒA	ĐH CÔNG NGHỆ CHẾ BIẾN THỦY SẢN	KINH	503 - 2.5 năm
5	NGUYỄN QUỐC	DUY	17/11/1992	NAM	KHÁNH HÒA	KS CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	KINH	503 - 2.5 năm
6	TRẦN THỊ VY	HẠ	26/11/1982	NỮ	KHÁNH HÒA	ĐH KẾ TOÁN KIỂM TOÁN	KINH	503 - 2.5 năm
7	NGUYỄN	HIỀN	27/01/1986	NAM	KHÁNH HÒA	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	503 - 2.5 năm
8	PHÙNG ĐỨC	HOÀNG	25/06/1988	NAM	BẮC KẠN	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	DAO	503 - 2.5 năm
9	PHAN HOÀNG	HUY	07/07/1977	NAM	KHÁNH HÒA	ĐH KHẢO CỔ HỌC	KINH	503 - 2.5 năm
10	LÊ THANH	KHOA	18/02/1991	NAM	KHÁNH HÒA	ĐH KẾ TOÁN	KINH	503 - 2.5 năm
11	LÊ XUÂN	LỘC	17/01/1989	NAM	PHÚ YÊN	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	503 - 2.5 năm
12	NGÔ ĐĂNG	LỘC	27/05/2001	NAM	KHÁNH HÒA	KS CÔNG NGHỆ KT ĐIỆN TỬ - VIỄN THÔNG	KINH	503 - 2.5 năm
13	HUỲNH THỊ KIM	NGÂN	19/05/1993	NỮ	KHÁNH HÒA	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	KINH	503 - 2.5 năm
14	LÊ THỊ HỒNG	NHUNG	20/08/1983	NỮ	BÌNH ĐỊNH	ĐH TÀI CHÍNH KẾ TOÁN	KINH	503 - 2.5 năm
15	LÊ CÔNG TẤN	PHÁT	07/09/1993	NAM	KHÁNH HÒA	KS CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	KINH	503 - 2.5 năm

16	LÊ TRẦN MAI	PHƯƠNG	27/12/2002	NỮ	KHÁNH HÒA	ĐH TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN	KINH	503 - 2.5 năm
17	HÀ THU	QUỲNH	18/12/1992	NỮ	KHÁNH HÒA	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	503 - 2.5 năm
18	BÙI NGỌC	SƠN	05/10/1988	NAM	KHÁNH HÒA	ĐH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	KINH	503 - 2.5 năm
19	NGUYỄN DUY	TÂN	06/10/1994	NAM	KHÁNH HÒA	ĐH QUÂN SỰ CƠ SỞ	KINH	503 - 2.5 năm
20	LÊ THỊ KIM	THANH	24/04/1982	NỮ	KHÁNH HÒA	ĐH KẾ TOÁN	KINH	503 - 2.5 năm
21	NGUYỄN CÔNG	THÀNH	22/06/1994	NAM	KHÁNH HÒA	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	KINH	503 - 2.5 năm
22	HUỲNH HỮU	THUẬN	15/12/1987	NAM	KHÁNH HÒA	ĐH SP TOÁN HỌC	KINH	503 - 2.5 năm
23	TRẦN THANH	TUẤN	01/05/1972	NAM	KHÁNH HÒA	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	503 - 2.5 năm

NGÀNH LUẬT - NHẬP HỌC: 03/03/2025

THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 3 năm

1	TRẦN VĂN	ANH	03/03/1975	NAM	KHÁNH HÒA	TC VĂN THƯ LƯU TRỮ - THƯ VIỆN, THPT	KINH	503 - 3 năm
2	NGUYỄN TÁ	BỘ	08/09/1983	NAM	HẢI DƯƠNG	TC LÂM SINH, THPT	KINH	503 - 3 năm
3	VÕ MINH	CẢNH	06/07/1991	NAM	KHÁNH HÒA	CĐ QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI, THPT	KINH	503 - 3 năm
4	CAO THỊ	HẠNH	07/03/1993	NỮ	KHÁNH HÒA	TC DỊCH VỤ PHÁP LÝ, THPT	RAGLAI	503 - 3 năm
5	VÕ BÁ	HẬU	10/12/1989	NAM	KHÁNH HÒA	TC CÔNG NGHỆ Ô TÔ, THPT	KINH	503 - 3 năm
6	VĂN THỊ THU	HỒNG	08/10/1987	NỮ	KHÁNH HÒA	CĐ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP	KINH	503 - 3 năm
7	LÊ NGÔ QUANG	HUY	23/08/1982	NAM	KHÁNH HÒA	TH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, THPT	KINH	503 - 3 năm
8	NGUYỄN THỊ THANH	HƯƠNG	25/05/1984	NỮ	HẢI DƯƠNG	TH HẠCH TOÁN KẾ TOÁN, THPT	KINH	503 - 3 năm
9	HUỲNH XUÂN	KỶ	10/04/1989	NAM	KHÁNH HÒA	CĐ CÔNG NGHỆ KT TRẮC ĐỊA, THPT	KINH	503 - 3 năm
10	VŨ VIỆT	LINH	14/09/1990	NỮ	KHÁNH HÒA	CĐ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP, THPT	KINH	503 - 3 năm
11	VŨ NGUYỄN QUỐC	MINH	24/05/1987	NAM	KHÁNH HÒA	TC QUẢN LÝ TTXH Ở ĐBCS, THPT	KINH	503 - 3 năm
12	PHẠM NGỌC	SANG	16/10/1993	NAM	KHÁNH HÒA	CĐ CÔNG NGHỆ KT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ, THPT	KINH	503 - 3 năm
13	CÀ	SEN	06/10/1991	NỮ	KHÁNH HÒA	TC THÚ Y, THPT	T'RIN	503 - 3 năm
14	NGUYỄN THỊ	THANH	17/08/1993	NỮ	HÀ TĨNH	TC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN, THPT	KINH	503 - 3 năm

15	NGUYỄN THỊ XUÂN	THẢO	12/12/1983	NỮ	ĐẮK LẮK	TH HẠCH TOÁN KẾ TOÁN, THPT	KINH	503 - 3 năm
16	PHẠM HỮU	THÔNG	20/09/1985	NAM	KHÁNH HÒA	CĐ THANH NHẠC, THPT	KINH	503 - 3 năm
17	HỒ VĂN	TOÀN	02/08/1978	NAM	KHÁNH HÒA	TC PHÁP LUẬT, THPT	KINH	503 - 3 năm
18	LÊ ĐÌNH	TRƯỜNG	01/11/1992	NAM	KHÁNH HÒA	CĐ CÔNG NGHỆ KT XÂY DỰNG, THPT	KINH	503 - 3 năm
19	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VY	28/06/1989	NỮ	KHÁNH HÒA	CĐ QUẢN TRỊ KINH DOANH DL, THPT	KINH	503 - 3 năm

NGÀNH LUẬT - NHẬP HỌC: 03/03/2025

THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4.5 năm

1	TRẦN HỮU CÔNG	DANH	12/10/1992	NAM	KHÁNH HÒA	THPT	KINH	503 - 4.5 năm
2	TRẦN THỊ KHÁNH	HÀ	16/02/1983	NỮ	KHÁNH HÒA	THPT	KINH	503 - 4.5 năm
3	NGUYỄN ĐÌNH	NGA	20/08/1982	NAM	HÀ TĨNH	THPT	KINH	503 - 4.5 năm
4	LÊ TẤN	TÀI	08/09/1997	NAM	KHÁNH HÒA	THPT	KINH	503 - 4.5 năm
5	PHẠM THỊ TUYẾT	XUÂN	08/03/2000	NỮ	KHÁNH HÒA	THPT	KINH	503 - 4.5 năm

NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - NHẬP HỌC: 03/03/2025

THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 2.5 năm

1	HUỲNH CÔNG	ANH	21/10/1997	NAM	KHÁNH HÒA	KS CÔNG NGHỆ KT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	KINH	705 - 2.5 năm
2	LÊ HOÀI	ANH	05/06/1997	NỮ	GIA LAI	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm
3	NGUYỄN KIM	ANH	27/04/1996	NAM	THANH HÓA	BS ĐA KHOA QUÂN Y	KINH	705 - 2.5 năm
4	NGUYỄN VIỆT	ANH	22/08/1988	NAM	KHÁNH HÒA	ĐH ĐIỀU DƯỠNG	TÀY	705 - 2.5 năm
5	NGUYỄN QUỐC	BẢO	13/05/2001	NAM	KHÁNH HÒA	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705 - 2.5 năm
6	THÁI THANH MẠNH	CƯƠNG	12/01/2001	NAM	HÀ TĨNH	KS CÔNG NGHỆ KT Ô TÔ	KINH	705 - 2.5 năm
7	LÊ ĐÌNH	CƯỜNG	05/07/1988	NAM	THANH HÓA	ĐH CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
8	PHAN VĂN	CƯỜNG	03/11/1975	NAM	NGHỆ AN	ĐH VẬT LÝ	KINH	705 - 2.5 năm
9	TRẦN NGUYỄN HẢI	DUY	14/11/1999	NAM	CÀ MAU	ĐH CHỈ HUY THAM MƯU LỤC QUÂN CẤP PĐ	KINH	705 - 2.5 năm
10	HỒ NĂM ÁNH	DƯƠNG	11/04/1989	NỮ	KHÁNH HÒA	ĐH XÉT NGHIỆM Y HỌC	KINH	705 - 2.5 năm

11	TRƯƠNG XUÂN	DƯƠNG	11/01/1998	NAM	NAM ĐỊNH	BS Y ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
12	HỒ TIẾN	ĐẠT	16/07/1988	NAM	KHÁNH HÒA	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm
13	VŨ CAO	ĐĂNG	03/07/1980	NAM	NAM ĐỊNH	ĐH HẬU CẦN	KINH	705 - 2.5 năm
14	CAO XUÂN	ĐỊNH	15/10/1998	NAM	PHÚ YÊN	ĐH LỊCH SỬ	KINH	705 - 2.5 năm
15	ĐẶNG VĂN	ĐỘ	28/06/1988	NAM	HẢI PHÒNG	KS CÔNG NGHỆ KT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ HQ	KINH	705 - 2.5 năm
16	ĐINH THỊ THÙY	GIANG	04/04/1996	NỮ	ĐẮK LẮK	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
17	NGUYỄN THỊ CẨM	GIANG	18/07/1990	NỮ	BÌNH ĐỊNH	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705 - 2.5 năm
18	HOÀNG THU	HIỀN	23/05/1981	NỮ	HÀ NỘI	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
19	NGUYỄN NGỌC	HIỆP	22/07/1992	NAM	NAM ĐỊNH	KS KỸ THUẬT XÂY DỰNG	KINH	705 - 2.5 năm
20	NGUYỄN HUY	HOÀNG	20/04/1992	NAM	KHÁNH HÒA	ĐH TRINH SÁT AN NINH	KINH	705 - 2.5 năm
21	TRẦN VŨ	HOÀNG	09/01/1995	NAM	BÌNH ĐỊNH	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
22	TRẦN VĂN	HÒA	13/05/1995	NAM	NGHỆ AN	BS Y ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
23	NGUYỄN QUỐC	HUY	16/01/1994	NAM	KHÁNH HÒA	ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	KINH	705 - 2.5 năm
24	NGUYỄN VĂN	HUY	16/08/1991	NAM	NINH BÌNH	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm
25	NGUYỄN VĂN	HUY	12/12/1989	NAM	LÂM ĐỒNG	ĐH CHỈ HUY - THAM MƯU THÔNG TIN	KINH	705 - 2.5 năm
26	LÊ SONG	HUYỀN	04/07/1984	NỮ	KHÁNH HÒA	ĐH TÀI CHÍNH TÍN DỤNG	KINH	705 - 2.5 năm
27	NGUYỄN ĐỨC	KHIÊT	19/11/1992	NAM	HẢI PHÒNG	KS ĐIỀU KHIỂN TÀU BIỂN QUÂN SỰ	KINH	705 - 2.5 năm
28	NGUYỄN THẮNG ĐĂNG	KHOA	01/10/1998	NAM	KHÁNH HÒA	KS KỸ THUẬT XÂY DỰNG	KINH	705 - 2.5 năm
29	TRẦN PHẠM DUY	KHÔI	25/09/1975	NAM	KHÁNH HÒA	ĐH TOÁN HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
30	ĐOÀN THỊ KIM	KIỀU	08/08/1996	NỮ	KHÁNH HÒA	ĐH SP NGỮ VĂN	KINH	705 - 2.5 năm
31	NGUYỄN TUẤN	KIỆT	05/09/2001	NAM	KHÁNH HÒA	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm
32	ĐINH QUANG	LINH	12/02/1994	NAM	THANH HÓA	ĐH NGÔN NGỮ NGA	KINH	705 - 2.5 năm
33	NGUYỄN THỊ MAI	LINH	01/03/1987	NỮ	KHÁNH HÒA	ĐH DU LỊCH	KINH	705 - 2.5 năm
34	VÕ NGUYỄN GIA	LINH	07/11/1999	NỮ	KHÁNH HÒA	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm

35	NGUYỄN THỊ	LOAN	27/01/1991	NỮ	NGHỆ AN	KS CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM	KINH	705 - 2.5 năm
36	ĐOÀN PHƯƠNG NGỌC	LONG	02/02/1986	NAM	KHÁNH HÒA	KS CÔNG NGHỆ HÓA HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
37	NGUYỄN ĐẠI	LỘC	14/03/1995	NAM	KHÁNH HÒA	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm
38	LÊ VĂN	LỰC	14/12/1995	NAM	THANH HÓA	KS CÔNG NGHỆ KT ĐIỆN TỬ HẢI QUÂN	KINH	705 - 2.5 năm
39	VÕ THỊ	LỰU	11/12/1991	NỮ	NGHỆ AN	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm
40	LÊ THỊ TRÚC	LY	10/10/1997	NỮ	KHÁNH HÒA	KS CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG	KINH	705 - 2.5 năm
41	PHẠM NGỌC KHÁNH	MY	04/08/1989	NỮ	KHÁNH HÒA	ĐH ĐIỀU DƯỠNG	KINH	705 - 2.5 năm
42	LƯƠNG PHƯƠNG	NAM	07/04/2000	NAM	THÁI BÌNH	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
43	NGUYỄN THỊ THÚY	NGA	17/07/1980	NỮ	HÀ NAM	ĐH NGỮ VĂN	KINH	705 - 2.5 năm
44	TRẦN THỊ	NGA	22/08/1988	NỮ	HÀ TĨNH	ĐH SP TIẾNG NGA	KINH	705 - 2.5 năm
45	NGUYỄN THANH	NGÂN	09/11/1984	NỮ	HÀ NAM	BS ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
46	NGUYỄN HOÀI BẢO	NGHI	07/02/2001	NỮ	KHÁNH HÒA	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705 - 2.5 năm
47	NGUYỄN BẢO	NGỌC	02/07/1999	NỮ	KHÁNH HÒA	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
48	HỒ NGHĨA	NGUYÊN	11/02/1996	NAM	NGHỆ AN	ĐH CÔNG NGHỆ KT ĐIỀU KHIỂN VÀ TĐH	KINH	705 - 2.5 năm
49	PHẠM LÊ TRƯỜNG	NHẬT	07/12/1988	NAM	KHÁNH HÒA	ĐH TRINH SÁT CẢNH SÁT	KINH	705 - 2.5 năm
50	LÊ THỊ HOÀNG	NHUNG	03/10/1983	NỮ	THỪA THIÊN HUẾ	KS CÔNG NGHỆ SINH HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
51	LÊ THỊ HỒNG	NHUNG	08/10/1987	NỮ	QUẢNG NGÃI	ĐH ĐIỀU DƯỠNG	KINH	705 - 2.5 năm
52	DƯƠNG THÚY	NHƯ	04/10/1999	NỮ	CÀ MAU	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705 - 2.5 năm
53	LÂM QUỲNH	NHƯ	01/10/1980	NỮ	KHÁNH HÒA	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm
54	NGUYỄN THỊ KIM	OANH	13/01/1995	NỮ	ĐẮK LẮK	BS ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
55	PHAN HOÀI	PHÚC	09/10/1988	NAM	KHÁNH HÒA	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm
56	ĐINH THỊ BÍCH	PHƯƠNG	24/02/1998	NỮ	GIA LAI	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm
57	NGUYỄN MAI	PHƯƠNG	04/06/1992	NỮ	KHÁNH HÒA	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm

58	NGUYỄN PHẠM MAI	PHƯƠNG	20/11/1989	NỮ	KHÁNH HÒA	ĐH SƯ PHẠM SINH-KTNN	KINH	705 - 2.5 năm
59	TRỊNH THỊ PHƯƠNG	QUẾ	03/01/1988	NỮ	THANH HÓA	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm
60	LÊ ANH	QUỐC	04/02/1999	NAM	PHÚ YÊN	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm
61	LÊ DUY	QUỐC	30/06/1985	NAM	KHÁNH HÒA	ĐH ĐIỀU TRA TỘI PHẠM	KINH	705 - 2.5 năm
62	NGUYỄN THỊ NHƯ	QUỲNH	11/11/1999	NỮ	HÀ TĨNH	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm
63	NGUYỄN THANH	SONG	15/02/1989	NAM	BÌNH ĐỊNH	ĐH XÃ HỘI HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
64	NGUYỄN THỊ NHƯ	SƯƠNG	25/05/1997	NỮ	KHÁNH HÒA	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm
65	LÝ PHƯƠNG	TÀI	31/01/1986	NAM	KHÁNH HÒA	KS KỸ THUẬT XÂY DỰNG	KINH	705 - 2.5 năm
66	PHAN VĂN	TÀI	18/06/2001	NAM	QUẢNG NGÃI	KS KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN VÀ TĐH	KINH	705 - 2.5 năm
67	NGUYỄN THỊ MINH	TÂM	03/11/1988	NỮ	KON TUM	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm
68	TRẦN THỊ	THANH	06/11/1984	NỮ	HƯNG YÊN	ĐH ĐIỀU DƯỠNG ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
69	LÊ THỊ THU	THẢO	08/09/1986	NỮ	KHÁNH HÒA	ĐH XÉT NGHIỆM Y HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
70	NGUYỄN THỊ THẠCH	THẢO	30/05/1999	NỮ	KHÁNH HÒA	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
71	NGUYỄN VŨ THANH	THẢO	20/10/1992	NỮ	KHÁNH HÒA	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm
72	TRẦN THỊ THU	THẢO	19/03/1995	NỮ	ĐẮK LẮK	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
73	TRỊNH VIỆT	THẮNG	11/12/1994	NAM	KHÁNH HÒA	KS CÔNG NGHỆ KT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ HẢI QUÂN	KINH	705 - 2.5 năm
74	VŨ TIẾN	THẮNG	25/10/1999	NAM	KHÁNH HÒA	ĐH QUẢN TRỊ DV DU LỊCH VÀ LH	KINH	705 - 2.5 năm
75	PHAN ĐỨC TRÍ	THẾ	17/08/1995	NAM	QUẢNG NGÃI	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
76	VÕ HỮU	THIÊN	23/01/1982	NAM	QUẢNG NGÃI	ĐH TÀI CHÍNH KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm
77	PHẠM TRƯƠNG NGỌC	THIỆN	07/08/2001	NAM	HỒ CHÍ MINH	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm
78	PHẠM LỄ	THỐNG	07/10/1995	NAM	NAM ĐỊNH	KS VẬN HÀNH KHAI THÁC MÁY TÀU THỦY QS	KINH	705 - 2.5 năm
79	NGUYỄN HỒNG MINH	THƯ	17/01/1997	NỮ	KHÁNH HÒA	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm
80	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	21/09/1992	NỮ	KHÁNH HÒA	ĐH GIÁO DỤC MẦM NON	KINH	705 - 2.5 năm

81	LỤC THỦY	TIÊN	12/12/2000	NỮ	HÀ NỘI	ĐH LUẬT	TÀY	705 - 2.5 năm
82	NGUYỄN THANH	TỊNH	29/03/1993	NAM	PHÚ YÊN	ĐH CHỈ HUY - THAM MƯU HẢI QUÂN	KINH	705 - 2.5 năm
83	NGUYỄN ĐỨC	TOÀN	20/05/1992	NAM	KHÁNH HÒA	ĐH KINH DOANH THƯƠNG MẠI	KINH	705 - 2.5 năm
84	NGUYỄN QUỲNH	TRÂM	25/06/1996	NỮ	KHÁNH HÒA	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm
85	TRẦN THỊ THANH	TRÂM	10/01/1993	NỮ	KHÁNH HÒA	BS Y ĐA KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
86	LÊ THỊ HOÀI	TRÂN	14/02/1993	NỮ	KHÁNH HÒA	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm
87	TRẦN THIÊN	TRÍ	30/07/1984	NAM	KHÁNH HÒA	KS CƠ KHÍ KỸ THUẬT CHẾ TẠO	KINH	705 - 2.5 năm
88	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	07/04/1989	NAM	KHÁNH HÒA	ĐH KINH DOANH THƯƠNG NGHIỆP & DỊCH VỤ	KINH	705 - 2.5 năm
89	CHÂU THANH	TUẤN	14/09/1989	NAM	KHÁNH HÒA	KS CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM	KINH	705 - 2.5 năm
90	NGUYỄN MẠNH	TUẤN	19/10/1987	NAM	THÁI BÌNH	KS ĐIỀU KHIỂN TÀU BIỂN QUÂN SỰ	KINH	705 - 2.5 năm
91	NGUYỄN NHẬT	TUYỀN	21/07/1989	NAM	KHÁNH HÒA	BS Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
92	TRẦN THANH	TÙNG	26/03/1995	NAM	KHÁNH HÒA	ĐH KINH DOANH THƯƠNG MẠI	KINH	705 - 2.5 năm
93	NGUYỄN ANH	TÚ	20/12/1988	NAM	KHÁNH HÒA	ĐH HUẤN LUYỆN THỂ THAO	KINH	705 - 2.5 năm
94	NGUYỄN THỊ CẨM	TÚ	17/03/1992	NỮ	BÌNH ĐỊNH	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm
95	LÊ HẠ	UYÊN	30/08/1992	NỮ	KHÁNH HÒA	ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	KINH	705 - 2.5 năm
96	LÊ SONG HUYỀN	VI	26/09/1992	NỮ	HỒ CHÍ MINH	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705 - 2.5 năm
97	TRẦN MINH	VƯƠNG	25/11/1990	NAM	NINH BÌNH	KS ĐIỀU KHIỂN TÀU BIỂN QUÂN SỰ	KINH	705 - 2.5 năm
98	TRẦN VĂN	VƯƠNG	08/05/1980	NAM	NAM ĐỊNH	ĐH KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ	KINH	705 - 2.5 năm
99	ĐINH THỊ KIỀU	VY	10/05/1986	NỮ	QUẢNG NAM	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm
100	PHAN HỒ UYÊN	VY	20/01/2001	NỮ	KHÁNH HÒA	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm

Danh sách này có: 147 sinh viên

CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ

Trần Ông Tín

CÁN BỘ KIỂM TRA

Võ Đình Lâm

PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN ĐÀO TẠO MỞ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Nguyễn Hoàng Sơn

ĐẠI HỌC HUẾ
VIỆN ĐÀO TẠO MỞ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2025
TẠI TRƯỜNG CĐ BÌNH MINH - SÀI GÒN

(Kèm theo Quyết định số 046 /QĐ-VĐTMCNTT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế)

STT	Họ tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Văn bằng nhập học	Dân tộc	Ngành - CTĐT
NGÀNH LUẬT - NHẬP HỌC: 03/03/2025								
THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 2.5 năm								
1	TRẦN QUỐC	ĐẠT	29/12/1999	NAM	TRÀ VINH	KS CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	KINH	503 - 2.5 năm
2	NGUYỄN THỊ ÁNH	LINH	21/07/1999	NỮ	BÀ RỊA - VŨNG TÀU	ĐH TÂM LÝ HỌC GIÁO DỤC	KINH	503 - 2.5 năm
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - NHẬP HỌC: 03/03/2025								
THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 2.5 năm								
1	ĐẶNG HUỲNH KHẢ	ÁI	17/06/1997	NỮ	ĐỒNG THÁP	ĐH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	KINH	705 - 2.5 năm
2	DƯƠNG THỊ MỸ	DUYÊN	11/11/1980	NỮ	KHÁNH HÒA	DƯỢC SĨ	KINH	705 - 2.5 năm
3	NGUYỄN THỊ	HÓA	25/10/1979	NỮ	BẾN TRE	ĐH THƯ VIỆN THÔNG TIN	KINH	705 - 2.5 năm
4	LÊ THỊ LAN	HƯƠNG	21/06/1973	NỮ	NGHỆ AN	ĐH TÂM LÝ HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
5	PHẠM THỊ HOÀNG TÓ	TÀI	27/12/1982	NỮ	BÌNH THUẬN	ĐIỀU DƯỠNG	KINH	705 - 2.5 năm

Danh sách này có: 7 sinh viên

CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ

Nguyễn Thị Thu Hiền

CÁN BỘ KIỂM TRA

Võ Đình Lâm

PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN ĐÀO TẠO MỞ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Nguyễn Hoàng Sơn

ĐẠI HỌC HUẾ
VIỆN ĐÀO TẠO MỞ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2025
TẠI TRƯỜNG TRUNG CẤP Y DƯỢC VẠN HẠNH (SÀI GÒN)

(Kèm theo Quyết định số 946 /QĐ-VĐTMCNTT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế)

STT	Họ tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Văn bằng nhập học	Dân tộc	Ngành - CTĐT
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - NHẬP HỌC: 03/03/2025								
THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 2.5 năm								
1	TRẦN KIÊN	DŨNG	08/10/1999	NAM	BÌNH DƯƠNG	ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	KINH	705 - 2.5 năm
2	TRƯƠNG NGỌC KIM	KHÁNH	17/08/1995	NỮ	HỒ CHÍ MINH	DƯỢC SĨ	KINH	705 - 2.5 năm
3	DƯƠNG MINH	SƠN	08/10/1980	NAM	TIỀN GIANG	ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	KINH	705 - 2.5 năm
4	VĂN ĐỨC	TOÀN	25/08/1995	NAM	HỒ CHÍ MINH	DƯỢC SĨ	KINH	705 - 2.5 năm

Danh sách này có: 4 sinh viên

CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ

Nguyễn Thị Thu Hiền

CÁN BỘ KIỂM TRA

Võ Đình Lâm

PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN ĐÀO TẠO MỞ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Nguyễn Hoàng Sơn

ĐẠI HỌC HUẾ
VIỆN ĐÀO TẠO MỞ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2025
TẠI TRƯỜNG TC CÔNG ĐOÀN TP. HỒ CHÍ MINH

(Kèm theo Quyết định số 946 /QĐ-VĐTMCNTT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế)

STT	Họ tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Văn bằng nhập học	Dân tộc	Ngành - CTĐT
NGÀNH LUẬT - NHẬP HỌC: 03/03/2025 **THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 2.5 năm**								
1	TRẦN THỊ HỒNG	GẤM	06/07/1982	NỮ	BẾN TRE	ĐH NHÂN HỌC	KINH	503 - 2.5 năm

Danh sách này có: 1 sinh viên

CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ

Nguyễn Thị Thu Hiền

CÁN BỘ KIỂM TRA

Võ Đình Lâm

PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN ĐÀO TẠO MỞ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Nguyễn Hoàng Sơn

ĐẠI HỌC HUẾ

VIỆN ĐÀO TẠO MỞ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2025
TẠI TRƯỜNG TC KINH TẾ - CÔNG NGHỆ VIỆT MỸ BÌNH DƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 946 /QĐ-VĐTMCNTT ngày 28 tháng 12 năm 2025 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế)

STT	Họ tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Văn bằng nhập học	Dân tộc	Ngành - CTĐT	Ký tên
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - NHẬP HỌC: 03/03/2025 THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 2.5 năm									
1	NGUYỄN TƯỜNG	AN	10/07/2002	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
2	BÙI KIM	ANH	02/12/1990	NỮ	THUẬN AN	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
3	HÀ THỊ TUYẾT	ANH	30/05/1987	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
4	NGUYỄN LAN	ANH	05/10/2003	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC MARKETING	KINH	705 - 2.5 năm	
5	NGUYỄN PHAN PHƯƠNG	ANH	09/03/1993	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
6	NGUYỄN THỊ TUYẾT	ANH	23/08/1992	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
7	PHAN THỊ KIM	ANH	27/05/1993	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
8	TRẦN NGỌC	ÁNH	08/06/1993	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
9	PHẠM NGỌC	ẤN	07/04/1991	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
10	TRẦN HOÀI	BẢO	28/10/1989	NAM	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
11	NGÔ VĂN	BÉ	18/02/1989	NAM	HÀ TĨNH	ĐẠI HỌC SƯ PHẠM GDTC	KINH	705 - 2.5 năm	
12	NGUYỄN DƯƠNG KHÁNH	BÌNH	23/05/1994	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐH SƯ PHẠM NGỮ VĂN	KINH	705 - 2.5 năm	
13	TRẦN QUANG	BÌNH	30/04/1985	NAM	BÌNH DƯƠNG	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm	
14	PHẠM THỊ NGỌC	BÍCH	26/12/1979	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
15	BẠCH THỊ HUYỀN	CHÂU	29/04/1986	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm	
16	NGUYỄN THỊ KIM	CHI	20/10/1995	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
17	PHẠM THỊ	CÔNG	17/04/1990	NỮ	THANH HOÁ	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
18	NGUYỄN XUÂN	DIỆU	21/12/1985	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC HÀNH CHÍNH HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	

19	NGUYỄN NGỌC	DUNG	22/07/2001	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
20	TRẦN THỊ	DUNG	06/08/1998	NỮ	HẢI DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
21	BÙI THỊ THUỲ	DƯƠNG	05/07/1993	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
22	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	25/09/1991	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
23	TRẦN THỊ LINH	ĐAN	14/12/1983	NỮ	BẾN TRE	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
24	CHÂU NGỌC	ĐÀO	14/10/2002	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
25	PHẠM THỊ ANH	ĐÀO	16/11/1995	NỮ	ĐỒNG NAI	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
26	NGUYỄN THỊ	ĐẸP	29/06/1989	NỮ	ĐỒNG NAI	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
27	BÙI NHUNG	GẤM	18/05/1993	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
28	NGUYỄN THỊ THUỲ	GIANG	04/04/1985	NỮ	BÌNH PHƯỚC	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
29	LƯU THỊ NGỌC	GIÀU	02/08/1991	NỮ	VĨNH LONG	ĐAI HỌC GIÁO DỤC THỂ CHẤT	KINH	705 - 2.5 năm	
30	ÂU THỊ THU	HÀ	16/04/1990	NỮ	CAO BẰNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	NÙNG	705 - 2.5 năm	
31	NGUYỄN THỊ HỒNG	HÀ	22/11/1991	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
32	NGUYỄN VĂN	HÀ	20/11/1973	NAM	HẢI DƯƠNG	ĐH BÁC SĨ ĐÃ KHOA	KINH	705 - 2.5 năm	
33	LÊ MINH	HÀO	12/05/1997	NAM	BÌNH DƯƠNG	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm	
34	LÊ THỊ	HẰNG	26/04/1988	NỮ	HÀ NAM	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
35	NGUYỄN THỊ KIM	HẰNG	20/11/1989	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
36	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	HẰNG	26/06/1993	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
37	NGUYỄN THỊ THU	HẰNG	15/04/1983	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC XÂY DỰNG ĐẢNG & CQNN	KINH	705 - 2.5 năm	
38	TRẦN THỊ THANH	HẰNG	14/09/2001	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
39	TRƯƠNG THỊ NGỌC	HÂN	31/07/1995	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
40	GIÁP THỊ MỸ	HẬU	25/05/1992	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
41	NGUYỄN THU	HIỀN	15/07/1999	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
42	PHẠM NGỌC	HIỆP	10/06/1993	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
43	LÊ KIM	HOA	10/10/1997	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
44	NGUYỄN THỊ KHÁNH	HÒA	05/11/1984	NỮ	ĐÀ NẴNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
45	ĐÀO THỊ	HỒNG	03/11/1997	NỮ	PHÚ THỌ	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	

46	NGUYỄN THỊ KIM	HỒNG	29/03/1991	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
47	TRƯƠNG THỊ	HỒNG	08/02/1980	NỮ	HÀ TĨNH	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
48	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	19/02/1995	NỮ	ĐỒNG THÁP	ĐH CÔNG NGHỆ SINH HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
49	TRƯƠNG THỊ THANH	HUYỀN	02/01/1998	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
50	ĐỖ THỊ KIM	HƯƠNG	18/12/1996	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
51	NGUYỄN HOÀNG	KHÁNH	13/11/1980	NAM	BÌNH PHƯỚC	ĐH HÀNH CHÍNH HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
52	TRẦN THIỆN	KHIÊM	13/04/1990	NAM	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
53	ĐỖ THỊ THANH	KIM	08/02/1992	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
54	ĐỖ VĂN	LAI	20/08/1985	NAM	BÌNH DƯƠNG	ĐH CÔNG NGHỆ KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG	KINH	705 - 2.5 năm	
55	NGUYỄN THỊ NGỌC	LAN	26/09/1991	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
56	NGUYỄN THỊ TRÚC	LAN	21/03/1993	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
57	CÙ THỊ	LÀI	16/02/1990	NỮ	HÀ TĨNH	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ	KINH	705 - 2.5 năm	
58	LÂM THỊ THÙY	LINH	26/06/1986	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	KINH	705 - 2.5 năm	
59	NGUYỄN THỊ HỒNG	LINH	14/04/1996	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm	
60	NGUYỄN THỊ NGỌC	LINH	19/10/1994	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
61	PHẠM ÁNH	LINH	03/07/2002	NỮ	VĨNH LONG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
62	NGUYỄN THỊ THANH	LOAN	14/03/1986	NỮ	ĐỒNG NAI	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
63	VÕ TẤN	LỢI	01/01/1991	NAM	BÌNH DƯƠNG	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm	
64	PHAN THÀNH	LỰC	23/07/1989	NAM	BÌNH DƯƠNG	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm	
65	HUỲNH THỊ NGỌC	MAI	15/10/1985	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
66	LÊ THỊ	MAI	10/05/1978	NỮ	THANH HÓA	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC MẦM NON	KINH	705 - 2.5 năm	
67	LÊ THỊ KIM	MAI	20/03/2001	NỮ	HÀ TĨNH	ĐH QUAN HỆ CÔNG CHÚNG	KINH	705 - 2.5 năm	
68	NGUYỄN THỊ NGỌC	MAI	29/04/2001	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
69	TĂNG HUỆ	MẪN	01/01/2000	NỮ	ĐỒNG NAI	ĐH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	KINH	705 - 2.5 năm	
70	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	MINH	12/05/1993	NỮ	SÔNG BÉ	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
71	PHAN ĐINH HẢI	MY	11/10/1995	NỮ	BÌNH PHƯỚC	ĐH KINH TẾ	KINH	705 - 2.5 năm	
72	ĐẶNG TÚ	MỸ	19/05/1993	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	

73	LÊ KIM	NGA	24/01/1989	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
74	NGUYỄN THỊ	NGA	28/08/1992	NỮ	THANH HÓA	ĐẠI HỌC GIÁ DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
75	TRƯƠNG THỊ KIỀU	NGA	15/05/1989	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐH CÔNG NGHỆ KT MÔI TRƯỜNG	KINH	705 - 2.5 năm	
76	GIANG BẢO	NGÂN	21/03/1998	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	HOA	705 - 2.5 năm	
77	NGUYỄN NGỌC BẢO	NGÂN	29/07/1998	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
78	ĐINH KIM	NGỌC	07/06/1994	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
79	HỒ HỒNG	NGỌC	25/01/1997	NỮ	QUẢNG BÌNH	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
80	NGUYỄN THỊ	NGỌC	07/09/1999	NỮ	THANH HÓA	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	MƯỜNG	705 - 2.5 năm	
81	NGUYỄN THỊ LỆ	NGUYÊN	14/09/1994	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
82	NGUYỄN THỊ THẢO	NGUYÊN	12/11/1992	NỮ	ĐỒNG NAI	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
83	NGUYỄN THỊ THẢO	NGUYÊN	30/07/1991	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
84	PHẠM THẢO	NGUYÊN	20/01/1992	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
85	PHẠM THÀNH	NGỮ	13/02/1994	NAM	BẾN TRE	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
86	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHẬT	09/06/1986	NỮ	PHÚ YÊN	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
87	ĐOÀN NGỌC DIỄM	NHI	27/08/1993	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
88	LÊ THỊ YẾN	NHI	11/05/1995	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
89	NGUYỄN HỒNG	NHI	23/03/1994	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
90	LÊ HỒNG	NHUNG	20/12/1990	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
91	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	30/06/1995	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
92	NGUYỄN THỊ NGỌC	NHUNG	08/06/1998	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705 - 2.5 năm	
93	BÒ THỊ	NƯƠNG	21/05/1992	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
94	NGUYỄN THỊ KIỀU	OANH	20/05/1992	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
95	ĐOÀN TẤN	PHÁT	26/06/1990	NAM	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG	KINH	705 - 2.5 năm	
96	PHẠM TẤN	PHONG	26/09/2002	NAM	ĐỒNG NAI	ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	KINH	705 - 2.5 năm	
97	PHẠM THANH	PHONG	28/02/1984	NAM	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC XÂY DỰNG ĐẢNG - CQNN	KINH	705 - 2.5 năm	
98	LƯƠNG THỊ	PHÚ	26/01/1992	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
99	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	15/06/2000	NAM	ĐỒNG NAI	ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HOÁ HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	

100	PHẠM HOÀNG	PHÚC	22/07/1995	NAM	CÀ MAU	ĐH CÔNG NGHỆ SINH HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
101	VÕ HOÀNG	PHÚC	30/06/1995	NAM	BÌNH PHƯỚC	ĐH LUẬT KINH TẾ	KINH	705 - 2.5 năm	
102	ĐOÀN THỊ KIM	PHỤNG	10/07/1986	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC SƯ PHẠM GDTC	KINH	705 - 2.5 năm	
103	VƯƠNG PHI	PHỤNG	30/05/1997	NỮ	HỒ CHÍ MINH	ĐẠI HỌC GIÁ DỤC TIỂU HỌC	HOA	705 - 2.5 năm	
104	PHẠM THỊ THANH	PHƯỚC	01/09/1988	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
105	NGUYỄN NGỌC	PHƯỢNG	03/06/1989	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm	
106	NGUYỄN THỊ	PHƯỢNG	11/07/1988	NỮ	THÁI BÌNH	ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG	KINH	705 - 2.5 năm	
107	NGUYỄN HỒNG	QUYÊN	09/03/1990	NỮ	ĐỒNG NAI	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
108	TRẦN THỊ	QUỲNH	15/02/1995	NỮ	ĐAK LAK	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
109	TRẦN THẾ	SƠN	18/03/1991	NAM	NINH THUẬN	ĐH GIÁO DỤC THỂ CHẤT	KINH	705 - 2.5 năm	
110	HỒ THỊ KIM	THANH	07/08/2001	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
111	LÊ THỊ THU	THANH	11/01/1990	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm	
112	NGUYỄN THỊ BẢO	THANH	26/11/2001	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
113	ĐẶNG NHƯ	THẢO	17/10/1998	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
114	HỨA NGỌC MINH	THẢO	13/03/2001	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm	
115	LÊ THỊ BÍCH	THẢO	03/03/1985	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC SƯ PHẠM MỸ THUẬT	KINH	705 - 2.5 năm	
116	NGUYỄN THỊ BÍCH	THẢO	29/04/2001	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm	
117	PHẠM THỊ KIM	THẢO	22/01/1999	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
118	VÕ THỊ MINH	THẢO	11/04/1998	NỮ	HỒ CHÍ MINH	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
119	MAI ĐINH	THẮM	30/03/1987	NỮ	BÌNH DƯƠNG	CỬ NHÂN KINH TẾ CHÍNH TRỊ	KINH	705 - 2.5 năm	
120	NGUYỄN THỊ THU	THƠM	26/01/1990	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC MẦM NON	KINH	705 - 2.5 năm	
121	NGUYỄN THỊ	THU	17/01/1988	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC HỆ THỐNG THÔNG TIN	KINH	705 - 2.5 năm	
122	NGUYỄN THỊ MỘNG	THU	13/04/1981	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
123	NGUYỄN THỊ YẾN	THU	30/07/1994	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
124	LÊ THỊ KIM	THUẬN	19/09/1989	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
125	LÊ THỊ THU	THUỶ	02/11/1992	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
126	NGUYỄN THANH	THUỶ	16/03/1995	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	

127	VÕ THỊ HỒNG	THUỶ	10/02/1983	NỮ	HÀ TĨNH	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC THỂ CHẤT	KINH	705 - 2.5 năm	
128	LÊ THỊ KIM	THUÝ	26/12/1979	NỮ	HÀ NAM	THẠC SĨ QUẢN LÍ GIÁO DỤC	KINH	705 - 2.5 năm	
129	LÊ THỊ THU	THỦY	26/07/1991	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
130	NGUYỄN THỊ THANH	THỦY	20/12/1989	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
131	TRẦN THU	THỦY	09/03/2001	NỮ	HỒ CHÍ MINH	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
132	NGUYỄN THỊ	THÚY	03/03/1993	NỮ	GIA LAI	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
133	ĐẶNG THỊ	THƯƠNG	23/09/1997	NỮ	TUYÊN QUANG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
134	PHẠM THỊ	THƯƠNG	25/01/1995	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
135	TRẦN KIM	THƯƠNG	15/06/1995	NỮ	HỒ CHÍ MINH	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
136	TRẦN THỊ THANH	THƯƠNG	31/10/1993	NỮ	ĐẮK LẮK	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
137	BÙI NGỌC TRÚC	TIÊN	12/09/1994	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
138	PHẠM THỊ THÙY	TIÊN	01/09/1996	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
139	TRẦN THỊ THỦY	TIÊN	12/06/1982	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
140	PHAN MINH	TIẾN	19/04/1990	NAM	BÌNH DƯƠNG	ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	KINH	705 - 2.5 năm	
141	ĐẶNG THỊ	TÍNH	04/06/1988	NỮ	HƯNG YÊN	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
142	LÊ THỊ	TRANG	20/08/1996	NỮ	VĨNH PHÚC	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
143	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	08/09/1996	NỮ	ĐẮK LẮK	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
144	PHẠM THỊ HƯƠNG	TRANG	02/05/2002	NỮ	THANH HÓA	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
145	TRƯƠNG THỊ THÙY	TRANG	06/06/1981	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
146	PHAN THỊ BÍCH	TRÂM	20/07/1998	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
147	TRẦN THUỴ BẢO	TRÂN	28/03/1984	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC SƯ PHẠM ÂM NHẠC	KINH	705 - 2.5 năm	
148	NGUYỄN THỊ BÍCH	TRÀM	20/04/1992	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
149	ĐINH THỊ KIỀU	TRINH	12/02/1994	NỮ	BẾN TRE	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
150	HOÀNG THỊ	TRINH	04/01/1994	NỮ	CAO BẰNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	TÀY	705 - 2.5 năm	
151	LÊ THỊ MỘNG	TRINH	22/11/1991	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
152	NGUYỄN NGỌC	TRINH	10/10/1992	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
153	TRẦN THỊ TỐ	TRINH	16/02/2002	NỮ	BẾN TRE	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	

154	PHẠM NGỌC	TRÚC	03/03/1999	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
155	TRỊNH CÔNG	TRƯỜNG	05/05/1985	NAM	QUẢNG NGÃI	ĐẠI HỌC SP GDTC	KINH	705 - 2.5 năm	
156	DƯƠNG THỊ THU	TUYỀN	12/11/1994	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
157	HUỲNH THỊ BÍCH	TUYỀN	18/08/1989	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
158	BÙI THỊ KIM	TUYẾN	23/08/2002	NỮ	HỒ CHÍ MINH	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
159	TRẦN THỊ KIM	TUYẾN	06/06/1984	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐH KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm	
160	ĐOÀN THỊ CẨM	TÚ	23/01/1992	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
161	NGUYỄN THANH	TÚ	12/02/1992	NAM	BÌNH DƯƠNG	ĐAI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
162	LÊ THỊ	VÂN	16/12/1991	NỮ	NGHỆ AN	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
163	NGUYỄN THỊ	VÂN	30/12/1983	NỮ	NGHỆ AN	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
164	NGUYỄN THỊ THU	VÂN	28/03/1997	NỮ	QUẢNG NGÃI	ĐH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	KINH	705 - 2.5 năm	
165	TRẦN THỊ HỒNG	VÂN	24/09/1988	NỮ	NGHỆ AN	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
166	PHẠM HUỲNH THÚY	VI	04/04/2002	NỮ	BẾN TRE	ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM	KINH	705 - 2.5 năm	
167	ĐẶNG THỊ	VINH	02/12/1990	NỮ	HƯNG YÊN	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
168	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VY	19/03/1999	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	
169	ĐỖ THỊ	YẾN	27/12/1983	NỮ	THÁI BÌNH	ĐẠI HỌC GDTH	KINH	705 - 2.5 năm	
170	NGUYỄN NGỌC	YẾN	20/06/1991	NỮ	ĐỒNG NAI	ĐẠI HỌC GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm	

Danh sách này có: 170 sinh viên

CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ

Lê Sang Thao

CÁN BỘ KIỂM TRA

Võ Đình Lâm

PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN ĐÀO TẠO MỞ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN – ĐẠI HỌC HUẾ

Nguyễn Hoàng Sơn

ĐẠI HỌC HUẾ
VIỆN ĐÀO TẠO MỞ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN TRÚNG TUYỂN NĂM 2025
TẠI TRUNG TÂM GDTX TỈNH ĐỒNG NAI

(Kèm theo Quyết định số 946 /QĐ-VĐTMCNTT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Viện trưởng Viện ĐTM&CNTT - Đại học Huế)

STT	Họ tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Văn bằng nhập học	Dân tộc	Ngành - CTĐT
NGÀNH LUẬT - NHẬP HỌC: 03/03/2025								
THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 2.5 năm								
1	TRƯƠNG MAI	ANH	05/07/2000	NỮ	ĐỒNG NAI	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	503 - 2.5 năm
2	NGUYỄN THÁI	BÌNH	03/10/1982	NAM	THÁI BÌNH	ĐH THỂ DỤC THỂ CHẤT	KINH	503 - 2.5 năm
3	HOÀNG THỊ HỒNG	DIÊN	15/06/1984	NỮ	THÁI BÌNH	ĐH KẾ TOÁN	KINH	503 - 2.5 năm
4	HỒ THỊ TÙNG	DIỆP	03/07/1999	NỮ	ĐỒNG NAI	ĐH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	KINH	503 - 2.5 năm
5	NGUYỄN HOÀNG	DUY	03/08/1996	NAM	ĐỒNG NAI	DƯỢC HỌC	KINH	503 - 2.5 năm
6	LÊ MINH	ĐỨC	17/07/2000	NAM	ĐỒNG NAI	ĐH QUẢN LÝ THỂ DỤC THỂ THAO	KINH	503 - 2.5 năm
7	HOÀNG THỊ MỸ	HẠNH	20/12/1987	NỮ	ĐỒNG NAI	ĐH KẾ TOÁN NU	KINH	503 - 2.5 năm
8	NGUYỄN THỊ THU	HẰNG	28/03/1983	NỮ	ĐỒNG NAI	NULL ĐH MỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP	KINH	503 - 2.5 năm
9	NGUYỄN THỊ	HOAN	20/03/1982	NỮ	HÀ TĨNH	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	503 - 2.5 năm
10	QUÁCH THÚY	HOÀN	05/05/1982	NỮ	ĐỒNG NAI	ĐH KẾ TOÁN	KINH	503 - 2.5 năm
11	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LÊ	12/08/1991	NỮ	ĐỒNG NAI	DƯỢC SĨ	KINH	503 - 2.5 năm
12	NGUYỄN THỊ KIM	NGỌC	02/03/1991	NỮ	NGHỆ AN	KS QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	KINH	503 - 2.5 năm
13	BÙI THỊ	NGUYÊN	22/08/1984	NỮ	VĨNH PHÚC	ĐH CÔNG TÁC XÃ HỘI	KINH	503 - 2.5 năm
14	PHAN ĐÌNH	PHONG	05/08/1990	NAM	QUẢNG TRỊ	KS QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN RỪNG	KINH	503 - 2.5 năm
15	NGUYỄN THỊ QUỲNH	PHƯƠNG	28/02/1994	NỮ	ĐỒNG NAI	ĐH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	KINH	503 - 2.5 năm
16	ĐINH HỮU	QUANG	21/03/1986	NAM	NAM ĐỊNH	ĐH KẾ TOÁN	KINH	503 - 2.5 năm
17	VŨ THỊ NHƯ	QUỲNH	12/12/1979	NỮ	NINH BÌNH	ĐH XÃ HỘI HỌC	KINH	503 - 2.5 năm
18	TRƯƠNG THỊ	THẢO	06/02/1994	NỮ	ĐỒNG NAI	ĐH KẾ TOÁN	KINH	503 - 2.5 năm
19	LÊ KIM	THẠCH	26/10/1987	NAM	ĐỒNG NAI	KS CÔNG NGHỆ SINH HỌC	KINH	503 - 2.5 năm
20	HỒNG NGỌC	THI	22/01/1994	NỮ	ĐỒNG NAI	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	503 - 2.5 năm
21	PHẠM CHÍ	THỊNH	27/02/1991	NAM	NINH BÌNH	ĐH HÀNH CHÍNH HỌC	KINH	503 - 2.5 năm
22	NGUYỄN THỊ	THU	16/08/1986	NỮ	NINH BÌNH	ĐH KẾ TOÁN	KINH	503 - 2.5 năm
23	PHẠM THỊ	THU	24/09/1993	NỮ	THANH HÓA	ĐH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	KINH	503 - 2.5 năm
24	LẠI QUANG	TIẾN	29/03/1984	NAM	ĐỒNG NAI	ĐH ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG	KINH	503 - 2.5 năm

25	LÊ HOÀNG	TIẾN	28/05/1981	NAM	ĐỒNG NAI	ĐH CHÍNH TRỊ HỌC	KINH	503 - 2.5 năm
26	TRẦN THỊ	TIẾT	08/04/1999	NỮ	BÌNH ĐỊNH	ĐH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	KINH	503 - 2.5 năm
27	PHAN TRỌNG	TUỆ	16/07/1982	NAM	NGHỆ TĨNH	KS ĐIỆN CÔNG NGHIỆP	KINH	503 - 2.5 năm
28	LÂM THỦY NGÂN	TUYỀN	08/09/1983	NỮ	ĐỒNG NAI	ĐH PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VÀ KHUYẾN NÔNG	KINH	503 - 2.5 năm
29	HUỲNH LÊ TƯỜNG	VI	30/12/1989	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐH THƯƠNG MẠI	KINH	503 - 2.5 năm
30	VÕ THÀNH	VIỆT	07/11/1981	NAM	BÌNH ĐỊNH	KS XÂY DỰNG CẦU-ĐƯỜNG BỘ	KINH	503 - 2.5 năm
31	NGUYỄN THỊ	YẾN	01/05/1981	NỮ	THÁI BÌNH	ĐH KS QUẢN TRỊ DN	KINH	503 - 2.5 năm
NGÀNH LUẬT - NHẬP HỌC: 03/03/2025								
THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 3 năm								
1	NGUYỄN PHẠM YẾN	NHI	09/03/1996	NỮ	ĐỒNG NAI	CĐ SP TOÁN HỌC + THPT	KINH	503 - 3 năm
NGÀNH LUẬT - NHẬP HỌC: 03/03/2025								
THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4.5 năm								
1	HOÀNG NGỌC	ANH	14/10/2006	NAM	HỒ CHÍ MINH	THPT	KINH	503 - 4.5 năm
2	LÊ	DỤC	01/01/1975	NAM	QUẢNG TRỊ	THPT	KINH	503 - 4.5 năm
3	HOÀNG THỊ THU	HUYỀN	01/09/1996	NỮ	YÊN BÁI	THPT	TÀY	503 - 4.5 năm
4	SẦM THỊ	NHƯ	01/10/2006	NỮ	LAI CHÂU	THPT	THÁI	503 - 4.5 năm
5	TRẦN NHẬT LỆ KIỀU	OANH	08/08/1995	NỮ	ĐỒNG NAI	THPT	KINH	503 - 4.5 năm
6	NGUYỄN NGỌC	THẢO	31/01/2004	NỮ	ĐỒNG NAI	THPT	KINH	503 - 4.5 năm
7	ĐẶNG QUANG	TRƯỜNG	14/12/2002	NAM	BÌNH ĐỊNH	THPT	KINH	503 - 4.5 năm
8	NÔNG THỊ MAI	TUYẾT	06/04/2002	NỮ	ĐỒNG NAI	THPT	NÙNG	503 - 4.5 năm
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - NHẬP HỌC: 03/03/2025								
THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 2.5 năm								
1	NGUYỄN THỊ KIM	ANH	04/11/1990	NỮ	ĐỒNG NAI	ĐH SP ÂM NHẠC	KINH	705 - 2.5 năm
2	NGUYỄN HỮU	BÌNH	18/01/1983	NAM	THANH HÓA	ĐH ĐỊA LÝ MÔI TRƯỜNG	KINH	705 - 2.5 năm
3	VÕ NHƯ	CẨM	25/08/1984	NAM	QUẢNG TRỊ	ĐH TRỒNG TRỌT	KINH	705 - 2.5 năm
4	PHẠM THỊ KIM	CHI	22/08/1998	NỮ	ĐỒNG NAI	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
5	LÊ TRƯỜNG	CHINH	14/05/2000	NAM	LONG AN	ĐH ĐÔNG PHƯƠNG HỌC - HÀN QUỐC HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
6	ĐỒNG QUỐC	DUY	20/02/1982	NAM	ĐỒNG NAI	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm
7	NGUYỄN PHƯƠNG HOÀNG	DUY	07/10/1991	NAM	ĐỒNG NAI	KS QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	KINH	705 - 2.5 năm
8	NGUYỄN THỊ THU	DUYÊN	09/06/1997	NỮ	ĐỒNG NAI	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
9	PHAN THỊ	ĐỨC	10/08/1986	NỮ	HÀ TĨNH	KS KHOA HỌC MÁY TÍNH	KINH	705 - 2.5 năm

10	ĐINH THỊ CHÂU	GIANG	29/05/1990	NỮ	ĐỒNG NAI	ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH	KINH	705 - 2.5 năm
11	LOAN HOÀNG	HẢI	09/05/1984	NAM	ĐỒNG NAI	ĐH CH - TMLQ CẤP PHÂN ĐỘI CHUYÊN NGÀNH BB	TÀY	705 - 2.5 năm
12	TẠ THỊ MỸ	HẠNH	12/04/1982	NỮ	NINH BÌNH	ĐH NGỮ VĂN	KINH	705 - 2.5 năm
13	VÕ THỊ HUYỀN	HẠNH	14/06/1992	NỮ	ĐỒNG NAI	ĐH SP TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
14	NGUYỄN THỊ	HIỀN	06/10/1982	NỮ	THÁI BÌNH	ĐH KỸ THUẬT ĐIỆN ĐIỆN TỬ	KINH	705 - 2.5 năm
15	NGUYỄN THỊ	HIẾU	02/04/1984	NỮ	NGHỆ AN	ĐH QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN RỪNG VÀ MÔI TRƯỜNG	KINH	705 - 2.5 năm
16	NGUYỄN HOÀNG VĨNH	HOÀ	14/11/1979	NAM	ĐỒNG NAI	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm
17	NGUYỄN THỊ THU	HOÀI	05/11/1989	NỮ	THÁI BÌNH	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm
18	VÕ ĐỨC	HÒA	30/08/1989	NAM	TIỀN GIANG	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
19	NGUYỄN THỊ	HUỆ	07/10/1985	NỮ	THANH HÓA	ĐH ĐIỆN TỰ ĐỘNG TÀU THỦY	KINH	705 - 2.5 năm
20	NGUYỄN ĐỨC	HUY	15/06/1995	NAM	ĐỒNG NAI	DƯỢC SĨ	KINH	705 - 2.5 năm
21	HOÀNG MINH	HƯNG	01/02/1988	NAM	BÌNH PHƯỚC	ĐH LUẬT KINH TẾ	TÀY	705 - 2.5 năm
22	NGUYỄN THANH	HƯƠNG	14/08/2001	NỮ	BÌNH THUẬN	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm
23	NGUYỄN MINH	KHA	27/01/1999	NAM	HỒ CHÍ MINH	ĐH SP HÓA HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
24	NGUYỄN THỊ NGỌC	KIỀU	24/04/1993	NỮ	ĐỒNG NAI	ĐH SP TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
25	NGUYỄN VĂN	MẠNH	15/11/1983	NAM	BẮC NINH	ĐH HÀNH CHÍNH HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
26	NGUYỄN THỊ THANH	NGA	13/09/2001	NỮ	ĐỒNG NAI	ĐH SƯ PHẠM TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm
27	BÙI THỊ	NGUYỆT	19/05/1990	NỮ	THANH HÓA	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
28	NGUYỄN THỊ	NHUNG	30/09/1981	NỮ	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH TRỒNG TRỌT	KINH	705 - 2.5 năm
29	LƯƠNG NGỌC	OANH	12/12/1994	NỮ	ĐỒNG NAI	KS CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG	KINH	705 - 2.5 năm
30	LÊ THỊ LAN	PHƯƠNG	23/04/1988	NỮ	HỒ CHÍ MINH	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
31	NGUYỄN THỊ LỆ	PHƯƠNG	23/08/1991	NỮ	ĐỒNG NAI	ĐH SP TOÁN HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
32	PHẠM HỮU	PHƯỚC	02/03/1986	NAM	ĐỒNG NAI	ĐH QTKD	KINH	705 - 2.5 năm
33	CAO THỊ NGUYỆT	QUẾ	26/03/1985	NỮ	QUẢNG NGÃI	ĐH KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm
34	VÕ ĐỨC	QUYÊN	14/06/1994	NỮ	TIỀN GIANG	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
35	LÊ MINH	SANG	25/11/1986	NAM	ĐỒNG NAI	ĐH SP TIN HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
36	NGUYỄN VĂN	SANG	21/06/1984	NAM	HƯNG YÊN	ĐH KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP	KINH	705 - 2.5 năm
37	PHẠM KHÁNH	SƠN	30/10/1982	NAM	ĐỒNG NAI	ĐH TIN HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
38	TRẦN THỊ	THẮM	08/04/1986	NỮ	HÀ TĨNH	ĐH LỊCH SỬ	KINH	705 - 2.5 năm
39	ĐỖ THỊ HƯƠNG	THÙY	20/08/1981	NỮ	ĐỒNG NAI	ĐH TIN HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
40	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THÙY	15/04/1983	NỮ	ĐỒNG NAI	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm

41	HỒ THANH	THÚY	19/01/1990	NỮ	TIỀN GIANG	ĐH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
42	HỒ VĂN	TĨNH	17/06/1989	NAM	THỪA THIÊN HUẾ	ĐH SP TIN HỌC	KINH	705 - 2.5 năm
43	NGUYỄN XUÂN	TOẠI	02/09/1986	NAM	THÁI BÌNH	ĐH CƠ ĐIỆN TỬ	KINH	705 - 2.5 năm
44	LÊ THỊ THU	TRANG	06/03/1981	NỮ	HƯNG YÊN	ĐH TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN	KINH	705 - 2.5 năm
45	NGUYỄN THỊ THÚY	TRANG	24/10/1994	NỮ	BÌNH DƯƠNG	ĐH SP NGỮ VĂN	KINH	705 - 2.5 năm
46	ĐINH ANH	TUẤN	25/10/1990	NAM	KOMTUM	KS CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	KINH	705 - 2.5 năm
47	NGUYỄN KIM	TUẤN	19/12/1985	NAM	ĐỒNG NAI	ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	KINH	705 - 2.5 năm
48	HUỲNH NGỌC	TÙNG	15/07/1991	NAM	ĐỒNG NAI	ĐH LUẬT	KINH	705 - 2.5 năm
49	DƯƠNG LÊ CÁT	TƯỜNG	30/11/1998	NỮ	ĐỒNG NAI	ĐH SƯ PHẠM NGỮ VĂN	KINH	705 - 2.5 năm
50	BÙI THỊ KHÁNH	VÂN	10/12/1982	NỮ	TIỀN GIANG	KS CÔNG NGHỆ CẮT MAY	KINH	705 - 2.5 năm
51	LÊ THỊ TƯỜNG	VY	19/05/1998	NỮ	ĐỒNG NAI	BÁC SĨ Y KHOA	KINH	705 - 2.5 năm
52	NGUYỄN THỊ HOÀNG	YẾN	03/08/1986	NỮ	ĐỒNG NAI	ĐH SP TIN HỌC	KINH	705 - 2.5 năm

Danh sách này có: 92 sinh viên

CÁN BỘ QUẢN LÝ HỒ SƠ

Nguyễn Thị Thu Hiền

CÁN BỘ KIỂM TRA

Võ Đình Lâm

PHÒNG ĐÀO TẠO, NC&HTPT

VIỆN TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
VIỆN ĐÀO TẠO MỞ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
ĐẠI HỌC HUẾ

Nguyễn Hoàng Sơn

67